



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Chủ nghĩa Mác trong thế kỷ XXI và giá trị lý luận đối với con đường phát triển của Việt Nam

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

13 TẠ NGỌC TẤN:

Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị - Vấn đề trung tâm trong xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam

27 NGUYỄN VĂN THẠO:

Về tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Lý luận và thực tiễn

39 TRẦN THỊ VÂN HOA:

Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại tiếp cận từ mục tiêu phát triển đất nước

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

52 VÕ VĂN SEN - VÕ PHÚC TOÀN:

Phát huy nguồn lực tôn giáo trong hoạt động giáo dục: Tiếp cận từ quan điểm thế tục và xã hội hóa giáo dục

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

66 Kỳ họp thứ 8 Hội đồng Lý luận Trung ương**69 Khảo sát, tọa đàm khoa học về thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại một số địa phương****71 Tọa đàm “Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay”**



CHỦ NGHĨA MÁC TRONG THẾ KỶ XXI VÀ GIÁ TRỊ LÝ LUẬN ĐỐI VỚI CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM

(Báo cáo đề dẫn của đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Trao đổi lý luận lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản, tổ chức tại Thành phố Cần Thơ, ngày 16/10/2018).

Thưa quý vị đại biểu,

Tôi rất vui mừng được phát biểu khai mạc Hội thảo trao đổi lý luận lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản tổ chức tại thành phố Cần Thơ tươi đẹp, trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí lãnh đạo và đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản, các đồng chí thường trực và thành viên của Hội đồng lý

luận Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng các nhà khoa học, đại diện các cơ quan Trung ương và địa phương đã tới tham dự hội thảo quan trọng này. Chúc các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Thưa các đồng chí,

Hội thảo trao đổi lý luận lần thứ 8 giữa hai Đảng chúng ta diễn ra vào thời điểm rất nhiều ý nghĩa. Đó là lúc những người cộng sản và mác xít trên toàn thế giới long trọng kỷ niệm 200 năm ngày sinh C.Mác và 170 năm ra đời tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng

Cộng sản. Với chủ đề **“Sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay”**, Hội thảo này là dịp để chúng ta bày tỏ tình cảm trân trọng đối với C.Mác - nhà tư tưởng vĩ đại của những người cộng sản, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại tiến bộ. Hội thảo cũng là dịp để chúng ta nhìn nhận lại đầy đủ hơn sức sống của chủ nghĩa Mác, chia sẻ các kết quả tổng kết nghiên cứu lý luận và vận dụng thực tiễn, từ đó nhận thức sâu sắc hơn, khẳng định những giá trị bền vững trong học thuyết Mác, để chúng ta tiếp tục kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng đã chọn và vững tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI.

Thưa các đồng chí,

C.Mác đã để lại cho nhân loại một kho tàng tri thức lý luận rất đồ sộ và phong phú trên nhiều lĩnh vực nhưng điển hình nhất là: triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; kinh tế chính trị học mác-xít và chủ nghĩa xã hội khoa học. Hơn 170 năm qua, chúng kiến nhiều thăng trầm của lịch sử nhân loại và chịu sự công kích, chống phá từ nhiều kẻ thù tư tưởng khác nhau, chủ nghĩa Mác vẫn tồn tại, đứng

vững và luôn được bổ sung, phát triển bởi những người mác-xít chân chính.

Với sự sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong lịch sử triết học. Lần đầu tiên trong lịch sử, các quy luật phát triển của xã hội loài người được giải thích một cách khoa học, khách quan, xuất phát từ các quy luật vận động và phát triển của nền sản xuất vật chất. Tuy nhiên, triết học Mác không hề hạ thấp mà còn nhấn mạnh sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất; kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng; ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội; chính trị đối với kinh tế. Triết học Mác luôn quan niệm: vấn đề không chỉ là giải thích thế giới mà quan trọng hơn là cải tạo thế giới bằng hoạt động thực tiễn, phục vụ con người. Kế thừa những người đi trước song vượt lên khỏi tư duy của chủ nghĩa “duy vật tầm thường” và chủ nghĩa “duy kinh tế”, C.Mác đã sáng tạo ra *học thuyết khoa học biện chứng phát triển*.

C.Mác và người đồng sự thân thiết của ông, Ph.Ăngghen, đã phân tích rõ và chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ

nghĩa: Đó là mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với tính tư nhân tư bản chủ nghĩa của việc chiếm hữu tư liệu sản xuất. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, mâu thuẫn này không mất đi mà càng bộc lộ dưới nhiều hình thức khác nhau. Bằng chứng là, ngày nay nhiều quốc gia tư bản giàu có vẫn đứng trước rủi ro khủng hoảng kinh tế và tình trạng gia tăng bất bình đẳng xã hội. Chiến tranh thương mại, chiến tranh tiền tệ, các cuộc khủng hoảng cơ cấu, chu kỳ, các cú sốc tài chính, v.v. phản ánh mâu thuẫn gay gắt giữa các nền kinh tế lớn, vẫn rất khó điều hoà trong bối cảnh toàn cầu hoá. Chính trị cường quyền, sự áp đặt của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan đang tạo ra những bất bình trong cộng đồng quốc tế, dẫn đến nguy cơ xung đột ở nhiều nơi. Hệ thống quản trị toàn cầu vận hành trên những nguyên tắc lỗi thời đang không thể xử lý được những thách thức cấp bách của nhân loại như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố và nhiều vấn đề toàn cầu mới nảy sinh khác.

Học thuyết Mác là vũ khí lý luận và tư tưởng sắc bén trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Với việc phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư, C.Mác đã chỉ ra cách thức mà nhà tư bản bóc lột người công nhân và nhân dân lao động. Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng liên minh, đoàn kết với các giai tầng khác để thực hiện sứ mệnh lịch sử lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, xây dựng một chế độ xã hội không còn người bóc lột người. Muốn vậy, trước hết giai cấp công nhân phải tự mình đứng lên giải phóng chính mình. Với lập luận đó ở thời đại của ông, C.Mác đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành thực sự khoa học; hình thành ở chủ nghĩa Mác lý luận về sự giải phóng: giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại. Ngày nay, việc phát triển bao trùm và bền vững, vì con người, lấy con người là trung tâm đã trở thành mục tiêu của cộng đồng quốc tế lại càng chứng tỏ, lý luận của chủ nghĩa Mác để giải phẫu xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại vẫn đúng và lý tưởng

cao đẹp của chủ nghĩa xã hội vẫn giữ nguyên giá trị thực tiễn.

Thưa các đồng chí,

C.Mác là một thiên tài nhưng lý luận của ông vẫn bị quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể trong thời đại mình. Chúng ta không thể đòi hỏi C.Mác phải tiên lượng được hết và suy nghĩ thay cho các thế hệ sau những vấn đề chưa đặt ra trong thời đại của ông. Ph.Ăngghen đã từng khẳng định: “*Lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lặp lại một cách máy móc*”¹. Do vậy, những người mácxít phải biết tổng kết thực tiễn thời đại mình để vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác phù hợp với từng điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc.

Tính lịch sử, cụ thể luôn là điểm then chốt trong phương pháp tiếp cận của học thuyết Mác bởi theo ông, lịch sử bắt đầu từ đâu thì lôgic bắt đầu từ đó; lý luận phải xuất phát từ thực tiễn, được tổng kết, khái quát từ thực tiễn. Bản thân C.Mác và Ph.Ăngghen cũng thường xuyên bổ sung, hoàn thiện lý luận của mình bằng thực tiễn hoạt động cách mạng. *Tuyên ngôn của*

Đảng Cộng sản ra đời năm 1848 là kết quả của sự kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng trong giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX của C.Mác và Ph.Ăngghen. Trong Lời tựa viết cho lần xuất bản bằng tiếng Đức của *Tuyên ngôn* vào năm 1872, hai ông đã nói, bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào việc áp dụng các nguyên lý trong *Tuyên ngôn* cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời. Đó chính là thái độ mẫu mực, cách ứng xử khoa học nhất đối với việc phát triển và vận dụng lý luận trong thực tiễn.

Xuất phát từ thực tiễn cụ thể của bối cảnh nước Nga trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin đã bổ sung, phát triển lý luận của C.Mác và hình thành nên chủ nghĩa Mác - Lênin. Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng mười Nga vĩ đại mở đầu cho sự chuyển biến của chủ nghĩa xã hội từ học thuyết trở thành hiện thực, từ hiện thực của một nước trở thành hiện thực của một hệ thống thế giới, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa

xã hội. Chủ nghĩa Mác và tiếp nối là chủ nghĩa Mác - Lênin đã thực sự trở thành ngọn đèn pha rọi sáng, chấm dứt thời kỳ “mò mẫm như trong đêm tối” của hàng triệu nhân dân lao động và người dân ở các nước thuộc địa sống dưới ách áp bức, bóc lột, tìm đường giải phóng cho mình và cho dân tộc mình. Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa với những thành tựu phát triển to lớn là chỗ dựa cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân trong thế kỷ XX. Với những giá trị tiến bộ, lý luận của Mác được truyền bá rộng rãi trên toàn thế giới, ảnh hưởng sâu rộng đến các quốc gia, dân tộc, các nền văn hóa - chính trị, hệ tư tưởng của các đảng phái, phong trào xã hội và đến niềm tin, khát vọng của từng cá nhân. Dù ở các châu lục khác nhau, với những trình độ phát triển khác nhau, trong nhiều bối cảnh lịch sử, đặc thù, các đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở mỗi nước đều có thể tìm thấy những căn cứ lý luận chung về khả năng “làm tăng thật nhanh lực lượng sản xuất lên”; về kiểu tổ chức xã hội công bằng,

bình đẳng để cho “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người”²; về quan hệ giữa các dân tộc, quốc gia “trên cơ sở của hòa bình và lao động”...

Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, song đây không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nói chung, lại càng không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó chỉ là sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xa dân, xa rời những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là những nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc thực tiễn và sự thiếu thích ứng với những thay đổi thường xuyên của đời sống chính trị - xã hội. Bởi thế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định “*Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới*”³. Thực tiễn cải cách và phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay cùng với những nỗ lực không ngừng đấu tranh, tìm tòi con đường phát triển mới của các đảng cộng sản và công

nhân trên thế giới là minh chứng không thể bác bỏ sức sống mãnh liệt và giá trị của học thuyết Mác.

Thưa các đồng chí,

Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng sáng tạo và bổ sung nhiều luận điểm mới cho chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Lãnh tụ Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Người đã nghiên cứu sâu sắc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, tiếp thu hợp lý tinh thần *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trong bối cảnh lịch sử mới của cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Người đã tìm thấy giá trị về quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ và *Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng*

Pháp. Người đã nghiên cứu Chủ nghĩa Tam dân của nhà cách mạng Tôn Trung Sơn và hiểu rằng khát vọng “*dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc*” khó thể đạt được và duy trì bền vững qua con đường cách mạng dân chủ tư sản. Bởi vậy, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiếp theo là cách mạng xã hội chủ nghĩa để giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kiên định và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc, nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi vẻ vang trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và

bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn thế giới và Việt Nam đã chứng tỏ rằng: lúc nào, ở đâu chủ nghĩa Mác được vận dụng đúng đắn, sáng tạo thì ở nơi đó, lúc đó tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vượt qua được những thử thách phát triển để tiếp tục đi lên. Ngược lại, ở đâu và lúc nào, chủ nghĩa Mác bị hiểu sai, vận dụng máy móc giáo điều, thì con đường đó gặp nhiều khó khăn, thậm chí thụt lùi, thất bại. Xuất phát từ thực tiễn phát triển của Việt Nam, phù hợp với quy luật và xu thế phát triển chung của nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. *Đổi mới là sản phẩm sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam. Đó là chặng đường cách mạng mới của toàn Đảng, toàn dân tộc Việt Nam, mang tầm vóc và ý nghĩa phát triển to lớn vì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.*

Thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là biểu trưng cho sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Trong thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Với xuất phát điểm là một nước có thu nhập thấp, trong giai đoạn đầu, Việt Nam đã rất chú trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh nhằm xoá đói, giảm nghèo, tạo ra lực lượng vật chất dồi dào và phong phú hơn cho việc thực hiện phân phối và phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Hiện nay, Việt Nam đang cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, thực hiện phát triển bao trùm và bền vững đất nước. Thực tiễn phát triển của thế giới và Việt Nam cho thấy, nếu chỉ chú ý đến tăng trưởng kinh tế mà thiếu quan tâm đến tiến bộ, công bằng xã hội thì không thể tạo lập được nền tảng cho tăng trưởng

bền vững. Ngược lại, nếu chỉ quan tâm đến tiến bộ, công bằng xã hội mà thiếu đi nguồn lực vật chất làm điều kiện, tiền đề, thì có nguy cơ dẫn tới sự cào bằng trong nghèo khổ⁴.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất nhận thức rằng, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam. Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có thể thích ứng với nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Kinh tế thị trường phát triển đạt tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản song không đồng nhất với chủ nghĩa tư bản và cũng không đối lập với chủ nghĩa xã hội. Dù có những khiếm khuyết, song thị trường vẫn chứng tỏ là một cơ chế huy động, phân bổ nguồn lực, thúc đẩy sáng tạo và phát triển tốt nhất hiện nay. Một quốc gia vận dụng các quy luật thị trường để phát triển kinh tế có thể chưa chắc thành công, song một quốc gia không có nền kinh tế thị trường sẽ không thể phát triển bền vững. Tự thân kinh tế thị trường không đưa đến chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn xây dựng chủ nghĩa xã

hội thành công dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế⁵. Định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở việc phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hướng vào con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, vì lợi ích của nhân dân, mọi người dân được tham gia và mọi người dân được hưởng lợi. Đây cũng chính là thuộc tính nhân văn, đặc trưng riêng có của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hơn 30 năm qua, từ một nước kém phát triển, có thu nhập bình quân đầu người chỉ ở mức dưới 100 đôla Mỹ vào những năm đầu đổi mới, đến năm 2010, Việt Nam đã vượt qua ngưỡng thu nhập bình quân đầu người 1.000 đôla Mỹ, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và đến năm 2018, GDP bình quân đầu người ước đạt 2540 đôla Mỹ. Tỷ lệ người nghèo

đã giảm từ gần 60% vào đầu thập niên 1990 xuống mức 20,7% năm 2010; và như vậy, chỉ trong vòng hai thập niên đó, khoảng 30 triệu người Việt Nam đã thoát khỏi cảnh đói nghèo⁶. Năm 2017, quy mô nền kinh tế Việt Nam đã vượt 220 tỷ đôla Mỹ, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá đạt trên 420 tỷ đôla Mỹ⁷. Cùng với thu nhập được nâng cao, đời sống vật chất, sức khỏe, giáo dục và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Từ chỗ bị bao vây, cô lập, cấm vận, Việt Nam đã có quan hệ đối ngoại rộng mở, trở thành thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đã tiếp tục khẳng định: *sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; sự vững vàng, kiên định trên nền tảng tư tưởng của Đảng, vận dụng sáng tạo, đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là tiền đề và điều kiện tiên quyết nhất để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam, của Việt Nam và do người Việt Nam thực hiện, với khát vọng đưa*

Việt Nam trở thành một nước công nghiệp tiên tiến vào giữa thế kỷ XXI.

Thưa các đồng chí,

C.Mác đã rời xa chúng ta nhưng tư tưởng của ông vẫn còn sống mãi cùng nhân loại, bởi bản chất khoa học, cách mạng, phát triển và nhân văn của tư tưởng đó vẫn hoàn toàn đúng đắn. Nhiều giá trị lý luận của chủ nghĩa Mác mang sức sống trường tồn vẫn tiếp tục tỏa sáng, như: phương pháp biện chứng duy vật, quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chủ nghĩa nhân văn vì con người, học thuyết về chủ nghĩa xã hội, v.v...

Thực tiễn cho thấy, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại, nhất là cách mạng khoa học - công nghệ, thế giới đang hội tụ về những giá trị chung phù hợp với bản chất nhân văn cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, như: đảm bảo phát triển bao trùm và bền vững, không để một ai bị tụt lại phía sau; phát triển toàn diện con người, v.v... Bởi vậy, học thuyết Mác vẫn là luận cứ khoa học đầy sức thuyết phục, *luôn thôi thúc chúng ta xây dựng khát vọng và tầm nhìn phát triển hướng tới một xã hội nhân văn, với những giá trị cốt lõi, phổ quát của nhân loại, như: vì*

con người, lấy con người làm trung tâm, do con người và giải phóng con người.

Với tinh thần khoa học và khách quan, chúng ta cần nghiên cứu, trao đổi để tiếp tục phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác trong xây dựng khát vọng và tầm nhìn phát triển cho chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI. Chúng ta có sứ mệnh tiếp tục lan tỏa học thuyết Mác trên tinh thần của một học thuyết khoa học, cách mạng và phát triển; học thuyết cải tạo và thay đổi thế giới; học thuyết giải phóng con người; và đương nhiên, như chính học thuyết Mác đã

chỉ ra, tư duy và định hình đường lối phát triển của chúng ta phải luôn thích ứng với sự thay đổi, phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới để thành công.

Với tinh thần đó, tôi tin tưởng rằng, hội thảo trao đổi lý luận của hai Đảng Cộng sản chúng ta sẽ nhận được nhiều ý kiến tâm huyết, sâu sắc của các vị đại biểu. Xin chúc các quý vị đại biểu và toàn thể các đồng chí mạnh khoẻ, hạnh phúc và thành công!

Chúc Trao đổi Lý luận của chúng ta thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn! □

¹ C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.796.

² C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, 1995, tr.628.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.14.

⁴ “Phát triển bền vững, thực hiện công bằng xã hội, nhìn từ thực tiễn đổi mới ở Việt Nam”, Phát biểu của Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tại Trường Đại học tổng hợp La Habana, Cuba, tháng 3-2018.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng trung ương Đảng, 2016, Hà Nội.

⁶ Ngân hàng thế giới: *Khởi đầu tốt nhưng chưa phải đã hoàn thành: Thành tựu ấn tượng của Việt Nam về giảm nghèo và những thách thức mới*, Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, Hà Nội, 2012.

⁷ Tổng cục thống kê: *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2017*, Hà Nội, 2017.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TỔ CHỨC BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - VẤN ĐỀ TRUNG TÂM TRONG XÂY DỰNG THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

● GS, TS TẠ NGỌC TÂN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Nếu coi thể chế phát triển là những quy tắc chính thức và không chính thức quy định sự vận hành của các yếu tố nhằm đạt được mục đích phát triển đất nước, thì thể chế chính trị giữ vai trò trung tâm, quyết định. Bởi vì không ai khác, chính tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là chủ thể xây dựng, hoàn thiện và vận hành thể chế phát triển mà trước hết là thể chế chính trị. Đến lượt nó, thể chế chính trị trở lại quy định, thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị. Từ nhận thức ấy, bài viết

mong muốn lý giải về vai trò, vị trí, ý nghĩa, thực trạng, những vấn đề đặt ra và những giải pháp nhằm tích cực hóa tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, một nhân tố có ý nghĩa sống còn đối với thể chế chính trị nói riêng và thể chế phát triển đất nước nhanh, bền vững trong điều kiện hiện nay. Bài viết sẽ tập trung làm rõ về ba vấn đề: *Thứ nhất*, vai trò, vị trí, ý nghĩa của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đối với thể chế phát triển đất nước; *thứ hai*, những vấn đề gì đặt ra trong tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta hiện nay liên quan đến thể chế phát

triển; *thứ ba*, giải pháp nào cho xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu của thể chế phát triển đất nước hiện nay.

1. Vai trò, tầm quan trọng của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đối với thể chế phát triển

1) *Khái niệm “Hệ thống chính trị”* bắt đầu được sử dụng từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989), để thay cho khái niệm “Hệ thống chuyên chính vô sản”. Đây là một bước nhận thức mới của Đảng ta về vai trò, vị trí, tính chất của hệ thống quyền lực trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hệ thống chính trị của chúng ta gồm ba “tiểu hệ thống” là Đảng Cộng sản, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc tập hợp các đoàn thể, tổ chức nhân dân. Ba “tiểu hệ thống” chính trị gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng chung mục đích xây dựng, phát triển đất nước, tiến lên CNXH, do Đảng Cộng sản

lãnh đạo. Ba “tiểu hệ thống” ấy gắn bó chặt chẽ với nhau, hợp thành một hệ thống chính trị thống nhất, vận hành theo quan hệ chức năng có tính nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Hệ thống chính trị của chúng ta gồm ba “tiểu hệ thống” là Đảng Cộng sản, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc tập hợp các đoàn thể, tổ chức nhân dân. Ba “tiểu hệ thống” chính trị gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng chung mục đích xây dựng, phát triển đất nước, tiến lên CNXH, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Hệ thống chính trị nước ta nắm giữ toàn bộ hệ thống các quyền lực xã hội trên thực tế, từ quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước đến các quyền lực khác trong xã hội, trong đó có *các quyền lực về xây dựng, hoàn thiện, tổ chức thực thi, kiểm sát việc thực thi hệ thống thể chế phát triển*. Chính vì thế, việc hoàn thiện và thực thi có hiệu quả thể chế phát triển chỉ có thể xảy ra

khi có một tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tốt, hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2) *Đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị không thể tách rời công tác cán bộ*. Đây là hai lĩnh vực gắn bó hữu cơ, phụ thuộc lẫn nhau, làm tiền đề cho nhau. Trong tác

phẩm “Làm gì”, V.I.Lênin đã sớm nhận thấy sức mạnh của tổ chức đảng đối với cách mạng vô sản khi cho rằng: “Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, và chúng tôi sẽ đảo lộn nước Nga lên”¹. Nên nhớ rằng, V.I.Lênin nói đến “tổ chức” là tổ chức của “những người cách mạng”, một “lực lượng” những người có đủ năng lực thực sự để tham gia vào cuộc cách mạng vĩ đại. Người nhấn mạnh: “Muốn trở thành một lực lượng chính trị như thế trước con mắt công chúng thì phải cố gắng rất nhiều và bền bỉ để nâng cao tính tự giác, óc sáng kiến và nghị lực của chúng ta lên, chứ chỉ đem dán cái nhãn hiệu “đội tiên phong” vào lý luận và thực tiễn của đội hậu vệ thì không đủ”².

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định”³. Vì vai trò có ý nghĩa quyết định của công tác cán bộ như vậy nên Người yêu cầu “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”, “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng

những cây cối quý báu”⁴. Theo người, việc “dạy cán bộ và dùng cán bộ” thể hiện ở 6 việc là: 1. Phải biết rõ cán bộ; 2. Phải cất nhắc cán bộ một cách cho đúng; 3. Phải khéo dùng cán bộ; 4. Phải phân phối cán bộ cho đúng; 5. Phải giúp cán bộ cho đúng; 6. Phải giữ gìn cán bộ⁵. Tất cả những công việc đó đều là công việc của tổ chức, của bộ máy công tác của Đảng và cả hệ thống chính trị. Chỉ có một tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tốt mới có thể hoàn thành được những công việc về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, sử dụng, kiểm tra và phát huy đầy đủ năng lực cán bộ. Cán bộ tốt nhưng đặt vào trong một tổ chức bộ máy không tốt thì cán bộ đó hoặc là không thể phát huy được năng lực của mình, hoặc là khó tránh khỏi bị rơi vào những sai lầm, bị lôi kéo vào những khuyết điểm. Ngược lại, cán bộ kém mà đặt vào một tổ chức bộ máy tốt sẽ có điều kiện để được học tập, rèn luyện, giúp đỡ nâng cao trình độ văn hóa, năng lực công tác, có thể trở thành những cán bộ tốt, hoặc ít ra cũng không bị sa vào những sai lầm, khuyết điểm, nhất là những sai lầm, khuyết điểm về chính trị, đạo

đúc. Hơn thế nữa, đội ngũ cán bộ tốt sẽ đảm bảo cho việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện về tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của nó theo hướng ngày càng tích cực hơn, hiệu quả hơn, cập nhật với tình hình và những yêu cầu mới đặt ra từ thực tế. Từ góc nhìn ấy có thể thấy *vai trò quyết định của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi thể chế phát triển chung của xã hội.*

2. Những vấn đề đặt ra của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta hiện nay

Trước hết, cần phải khẳng định rằng, công tác tổ chức bộ máy hệ thống chính trị của chúng ta đã có nhiều biến chuyển quan trọng, đạt được nhiều kết quả cơ bản và to lớn trong hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Tổ chức bộ máy đã có những chuyển biến theo hướng đáp ứng với những đòi hỏi đặt ra của thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Một số cơ quan, tổ chức mới được thiết lập, một số cơ quan, tổ

chức không còn phù hợp đã được giải thể hoặc sáp nhập vào các cơ quan, tổ chức thích hợp. Trong nội bộ nhiều cơ quan, tổ chức cũng có những thay đổi về bộ máy, nhân sự theo hướng ngày càng hợp lý hoá với những điều kiện kinh tế - xã hội đã thay đổi. Một số cơ quan nhà nước, nhất là Quốc hội, đã được tăng cường các điều kiện, nguồn

Tổ chức bộ máy đã có những chuyển biến theo hướng đáp ứng với những đòi hỏi đặt ra của thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

lực, ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò và trách nhiệm trong quản lý đất nước. Các quy định, chế độ, hành lang pháp lý cho hoạt động của hệ thống chính trị được bổ sung, phát triển, v.v.. Những kết quả quan trọng trong công tác tổ

chức bộ máy hệ thống chính trị, và gắn bó hữu cơ với nó, những đổi mới về thể chế là những điều kiện cơ bản, quyết định cho những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy còn nhiều vấn đề đang đặt ra trong công tác tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nước ta hiện nay.

Thứ nhất, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị còn công kênh, nhiều tầng

nấc, ngày càng phình to, thiếu ổn định, không phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội đã có rất nhiều biến chuyển qua hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thay thế cho cơ chế quản lý kế hoạch hóa, bao cấp trước đây. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã không ngừng cải thiện mọi mặt đời sống các tầng lớp dân cư. Cơ cấu xã hội đã có thay đổi to lớn, trong đó tầng lớp trung lưu đã phát triển đáng kể. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã hình thành, phát triển. Những thành tựu của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, sự hội nhập quốc tế mạnh mẽ của đất nước và cùng với nó là một nền kinh tế có độ mở cao độ đã mang lại những điều kiện rất mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra lối sống, thói quen tiêu dùng mới, tác động mạnh mẽ vào các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, v.v.

Theo quy luật, những điều kiện ấy là cơ sở khách quan và đặt ra những yêu cầu tất yếu của việc đổi mới tổ chức, cơ chế vận hành, tinh giản bộ máy, nâng cao năng suất lao động,

hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, trên thực tế, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị nước ta lại ngày càng mở rộng quy mô, phức tạp hóa về cấu trúc. Số lượng biên chế tăng đều từng năm (đến trước thời điểm Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 39, tháng 4 năm 2015). Nhiều bộ phận trung gian, hoạt động không rõ chức năng, nhiệm vụ. Không ít thiết chế được lập ra chưa thật hợp lý, làm cho chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, gây khó khăn hoặc giảm trách nhiệm, hiệu lực hoạt động của các cơ quan khác. Chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm công tác giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, giữa các cấp hành chính trong mỗi hệ thống quyền lực, giữa các cấp lãnh đạo quản lý trong nhiều cơ quan, tổ chức không rõ ràng, còn có hiện tượng lấn sân công việc nhưng đùn đẩy trách nhiệm. Số người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước rất lớn (Nghị quyết TƯ6), trong khi năng xuất lao động, hiệu xuất công tác thấp, làm cho chi ngân sách cho bộ máy ngày càng tăng. Chế độ tiền lương chậm được thay đổi làm cho tiền lương thực tế của cán bộ, viên

chức không còn ý nghĩa tích cực trong việc đánh giá hiệu quả công tác, v.v.. Nói tóm lại, chúng ta chưa nhận thức rõ tính chất, cấu trúc và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị nước ta hiện nay nên việc xây dựng và vận hành tổ chức bộ máy hệ thống chính trị còn lúng túng, hạn chế hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Thứ hai, cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ chưa được nhận thức rõ ràng, chưa được đổi mới hoàn thiện trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Trong đường lối và chủ trương chung của Đảng, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của mỗi “tiểu hệ thống” và của cả hệ thống chính trị đều đã được xác định khá rõ ràng. Tuy nhiên trên thực tế, việc cụ thể hoá những quan điểm, chủ trương này diễn ra quá chậm hoặc không đáp ứng yêu cầu, quan điểm, đòi hỏi chung. Tình trạng trên dẫn tới, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác giữa nhiều cơ quan, bộ phận chưa thật rõ ràng, còn trùng lặp, chồng chéo với nhau. Về cơ bản, tổ chức bộ máy trong từng “tiểu hệ thống” cũng như trong toàn

bộ hệ thống chính trị chưa đổi mới kịp với những thay đổi và yêu cầu của thực tiễn. Trong khi các điều kiện kinh tế, xã hội đã có những thay đổi to lớn thì tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của nó vẫn ít thay đổi. Mô hình tổ chức cụ thể, chức năng, trách nhiệm, quyền lực, nghĩa vụ của từng “tiểu hệ thống”, cũng như của các cấp, các bộ phận trong mỗi “tiểu hệ thống” còn nhiều điểm chưa rõ ràng, chưa hợp lý, chưa phù hợp với điều kiện mới. Mối quan hệ, tác động qua lại giữa các cấp, các bộ phận trong từng “tiểu hệ thống” cũng như của cả hệ thống chính trị không rõ ràng, phân minh.

Thứ ba, vấn đề kiểm soát quyền lực, giám sát liêm chính bị buông lỏng; kỷ cương, kỷ luật và việc thực thi pháp luật không nghiêm minh dẫn đến tình trạng “quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, chưa được đẩy lùi, gây bức xúc xã hội”⁶.

Kiểm soát quyền lực, giám sát liêm chính là một vấn đề cơ bản của mọi chế độ nhà nước trong lịch sử cũng như hiện đại. Việc kiểm soát quyền lực nhằm đảm bảo cho nhà nước vận

hành hiệu quả, ngăn chặn sự lợi dụng quyền lực mưu cầu lợi ích riêng, lợi ích nhóm. Giám sát liêm chính nhằm ngăn chặn, cảnh báo những hành vi tiêu cực, tham nhũng, lợi dụng chức quyền, bảo vệ sự trong sạch và uy tín của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiểm soát quyền lực và giám sát liêm chính tuy hai mà là một, như hai mặt của một vấn đề, gắn bó chặt chẽ với nhau, làm tiền đề và điều kiện cho nhau. Về nguyên tắc, *mọi quyền lực trong xã hội đều phải được kiểm soát, mọi cán bộ, công chức, viên chức đều phải được giám sát liêm chính*. Càng những cơ quan, tổ chức, cá nhân nắm giữ quyền lực quan trọng của hệ thống chính trị, các nguồn lực to lớn của xã hội càng phải được kiểm soát, giám sát một cách chặt chẽ, nghiêm khắc. Giáo dục về đạo đức là một yếu tố rất quan trọng, nhưng nếu thiếu sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát về quyền lực và liêm chính thì đạo đức rất dễ bị xuyên tạc, mất đi ý nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, trên thực tế, chúng ta chưa nhận thức rõ, đầy đủ về nhiều vấn đề lý luận rất quan trọng của hệ thống chính trị. Trước hết là nhận

thức, quan điểm về vấn đề kiểm soát quyền lực, giám sát liêm chính chưa đầy đủ, rõ ràng, quyết tâm chính trị chưa cao. Tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành cũ được duy trì quá lâu, không được đổi mới đồng bộ với những đổi mới về kinh tế, xã hội. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến việc “chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp”⁷. “Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém”⁸. Những hạn chế trên đây tất yếu dẫn đến hạn chế về hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý nhà nước và xã hội. Sự xô lệch giữa thực tế kinh tế - xã hội với tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành của hệ thống chính trị; sự thiếu đồng bộ của hệ thống pháp luật và lỏng lẻo trong thực thi pháp luật tạo ra những khe hở, những vùng trống quyền lực, những điều kiện thuận lợi, những mảnh đất màu mỡ cho tiêu cực, quan liêu, tham ô, lãng phí.

Thứ tư, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị hạn chế:

- Chậm cụ thể hóa các đường lối, chủ trương của Đảng thành các

chính sách, quyết định quản lý nhà nước. Không ít quan điểm, chủ trương trong các Nghị quyết của Đảng không được triển khai thực hiện trên thực tế hoặc có triển khai thực hiện nhưng không mang lại kết quả, hiệu quả như yêu cầu.

- Năng lực, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức Đảng còn yếu, cá biệt có nơi còn mất đoàn kết. Do đó, tổ chức Đảng không thể đáp ứng yêu cầu về nêu gương, tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân, không phát huy được sức mạnh, nguồn lực và các nhân tố tích cực của nhân dân để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị công tác.

- Việc triển khai, tổ chức thực hiện các quyết sách của Đảng, các quyết định, chính sách của Nhà nước chưa mang lại hiệu quả như mong đợi. Một số doanh nghiệp nhà nước để xảy ra tình trạng thất thoát vốn, đầu tư không hiệu quả, làm cho nợ công tăng cao. Một số chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước không hoàn thành hoặc kết thúc với hiệu quả thấp...

- Thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa có nơi, có lúc còn mang tính

hình thức. Ở một số nơi, một số tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước còn xa dân, chưa quan tâm chăm lo đời sống mọi mặt của người dân. Cải cách hành chính chậm, nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp, mới nảy sinh từ thực tế nhưng không được quan tâm giải quyết một cách công bằng, hợp lý, dẫn đến những bức xúc trong nhân dân.

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống, tự chuyển biến, tự chuyển hóa trong nội bộ của một số không ít cán bộ, đảng viên.

- “Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành...”⁹. Bệnh mua quan, bán chức, chạy lợi ích, ngày càng phức tạp, nặng nề hơn. Nguồn vốn của Nhà nước được phân bổ vẫn còn những nội dung bất hợp lý, còn bị chi phối nhiều bởi cơ chế “xin - cho”, làm cho hiệu quả sử dụng vốn thấp, gây lãng phí cho nền kinh tế. Tham nhũng vật tràn lan, trở thành phổ biến như một “chế độ” đương nhiên. Tham nhũng còn dẫn đến mất cán

bộ, kể cả cán bộ cao cấp, đoàn kết nội bộ các cơ quan, tổ chức bị xói mòn, gây bức xúc xã hội.

- Diễn biến tư tưởng trong nhân dân ngày càng phức tạp. Công tác chỉ đạo, quản lý truyền thông, báo chí chuyển biến không theo kịp tình hình thực tế. Phản ứng đối với những vấn đề thời sự, nhạy cảm của thông tin truyền thông không những không chủ động, mà còn chậm, bị động. Thông tin chính thống vẫn chủ yếu và cơ bản là một chiều, minh họa cho nghị quyết, ít thông tin phê bình, phê phán, càng hiếm những thông tin phản biện khoa học. Thông tin không chính thống trên môi trường mạng ngày càng lấn sâu chính thống, chi phối đối với dư luận xã hội...

Những vấn đề trên đây xuất phát từ nhận thức lý luận và thực tiễn xây dựng, vận hành hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Đó cũng chính là nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ. Mà niềm tin của nhân dân chính là cơ sở sống còn của chế độ, của Đảng ta. Nói như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Cần khẳng định, ta làm hợp

lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả”¹⁰.

3. Định hướng giải pháp nào cho xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu của thể chế phát triển đất nước

Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một điều kiện hàng đầu đảm bảo cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó cũng chính là điều kiện để có thể xây dựng, hoàn thiện và thực thi hệ thống thể chế nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Vậy, định hướng giải pháp nào để đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong điều kiện hiện nay. Phải chăng đó là:

Thứ nhất, đổi mới nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong điều kiện mới.

Trong nhận thức lý luận, vấn đề quan trọng hàng đầu là dựa chắc vào phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh cách nhìn thiên kiến, bảo thủ. Một

vấn đề đặc biệt quan trọng tạo nên sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin chính là phương pháp biện chứng, cách nhìn nhận xã hội trong sự vận động không ngừng, phát triển không ngừng. Chính Mác, Ăngghen đã nhiều lần nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét những vấn đề của cách mạng một cách biện chứng, không tách rời các điều kiện lịch sử cụ thể. Việc nhanh chóng thay đổi chính sách xây dựng đất nước bằng “Chính sách kinh tế mới” cho thấy V.I.Lênin đã rất quyết liệt vượt qua những rào cản về nhận thức, dám đoạn tuyệt với những tín điều, “công thức” cũ, với cách tiếp cận rất thực tế, rất sáng tạo. Hồ Chí Minh đã diễn đạt cách tiếp cận ấy bằng châm ngôn “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, cũng có nghĩa là mục tiêu cách mạng không thay đổi, nhưng phương pháp, cách thức, biện pháp thì phải luôn sáng tạo, tùy thuộc vào tình hình, điều kiện cụ thể mỗi nơi, mỗi lúc. Đó là phương pháp dựa vào thực tế, nhìn thẳng vào thực

tế, nghiên cứu, rút ra những kinh nghiệm hay, bài học tốt. Đồng thời qua thực tiễn để kiểm nghiệm, đánh giá lại những vấn đề lý luận, chủ trương của Đảng, chính sách của

Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một điều kiện hàng đầu đảm bảo cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước đã và đang thực hiện để nhanh chóng điều chỉnh, tìm ra cái sai để sửa, tìm ra ra giải pháp mới, cách làm mới để đạt được mục đích.

Từ nhận thức lý luận chung để thấy những cơ sở khoa học, thực tiễn của tổ chức bộ máy hệ

thống chính trị của chúng ta đã có nhiều thay đổi. Đó là những thay đổi chung trên quy mô thế giới, phạm vi nhân loại do sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại, do hệ thống tri thức to lớn và những bài học lịch sử phong phú được tích lũy, do trình độ phát triển về văn hóa, xã hội và con người đã được nâng lên, do các hình thái chế độ chính trị - xã hội đã được biến đổi rất nhiều trong quá trình vận động, thích ứng với các điều kiện mới, do sự thể hiện vô cùng phong phú, phức tạp các quan

hệ quốc tế và khu vực, v.v.. Vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu, làm rõ nội dung, tính chất của những thay đổi đó để từ đó tìm ra những yêu cầu, đòi hỏi khách quan đặt ra cho tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; làm sao cho tổ chức bộ máy đó vừa thích ứng với thực tế, vừa đảm bảo định hướng chế độ và thực hiện được mục tiêu phát triển đất nước.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu, làm rõ nhận thức lý luận về đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền, về phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới.

Những lúng túng trong trong hoạt động và những hạn chế trong thực tế công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong thời gian vừa qua có một phần nguyên nhân từ chính sự chưa rõ ràng trong nhận thức lý luận. Nguyên tắc chung của mối quan hệ “Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ” đã được xác định từ lâu nhưng nội dung cụ thể của nó như thế nào vẫn chưa được xác định, chưa được thống nhất. Cương lĩnh năm 2011 xác định: “Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính

sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên”¹¹. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 dường như đã diễn đạt phương thức lãnh đạo của Đảng theo một cách cụ thể hơn: “Trong điều kiện Đảng ta là Đảng cầm quyền và có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước”¹². Vấn đề tiếp theo vẫn rất cần phải làm rõ sự thống nhất giữa hai cách diễn đạt đó, xác định rõ tính chất, phạm vi, mức độ, trách nhiệm của sự lãnh đạo của Đảng đến đâu, cơ chế nào đảm bảo sự lãnh đạo đó thực sự hiệu lực, hiệu quả.

Vấn đề kiểm soát quyền lực, sự liêm chính của cán bộ trong điều kiện duy nhất Đảng Cộng sản lãnh đạo cũng là một vấn đề cần thiết tục nghiên cứu làm rõ từ nhận thức đến cơ chế, giải pháp trong thực tế. Cần làm rõ những cơ chế, giải pháp đảm bảo mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ, mọi cán bộ trong hệ

thống chính trị phải được giám sát về liên chính, không có vùng cấm trong bất cứ cơ quan, tổ chức nào. Cần phải nhớ rằng, giáo dục đạo đức là vô cùng quan trọng, nhưng chỉ dựa vào đạo đức là không đủ. Một chế độ kiểm soát quyền lực, giám sát liên chính chặt chẽ, nghiêm minh là yêu cầu không thể thiếu để đảm bảo cho bộ máy nhà nước vận hành một cách hiệu lực, hiệu quả. Từ năm 1923, V.I.Lênin đã yêu cầu: “những ủy viên Ban kiểm tra trung ương có nhiệm vụ tham dự, với một số lượng nhất định, vào mỗi phiên họp của Bộ Chính trị, sẽ phải là một nhóm cố kết, nó, “không được vị nể cá nhân” phải giữ gìn sao cho không một quyền uy nào của Tổng Bí thư hay là của một ủy viên nào trong Ban Chấp hành Trung ương có thể ngăn cản mình chất vấn, kiểm tra các hồ sơ, và nói chung, nắm được tình hình hết sức rõ ràng và xử lý mọi việc hết sức đúng đắn”¹³.

Thứ ba, nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu đặt ra trong thời kỳ mới. Đây là vấn đề rất khó, đòi hỏi sự công

phu, khoa học. Về cơ bản, mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta cần giải quyết tốt mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Yêu cầu đặt ra là sự hợp lý hoá, thể chế hoá vai trò, trách nhiệm, cơ chế vận hành trong nội bộ từng yếu tố và giữa các yếu tố với nhau, đảm bảo sự tinh gọn, rõ ràng về quyền hạn, chức năng, trách nhiệm, không trùng đẫm lẫn nhau, không bao biện làm thay giữa các cấp, các ngành.

Một mặt, cần khẳng định vai trò, vị trí của tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong thời gian qua là rất quan trọng, là cơ sở hàng đầu đảm bảo cho những thành tựu to lớn của đất nước trong thời gian qua. Mặt khác, cần thấy rằng việc đổi mới mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta là yêu cầu khách quan, bức thiết, không thể chậm trễ. Nhưng việc thực hiện đổi mới mô hình tổng thể hệ thống chính trị cũng cần phải khoa học, chắc chắn, kế thừa được những yếu tố tích cực đã có, vận dụng được những kinh nghiệm tốt của thế giới, giữ vững được sự ổn định chính trị - xã hội.

Vấn đề đặt ra trong mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là sự phân công quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng đối với từng cấp, ngành, từng vị trí cán bộ lãnh đạo quản lý. Đưa ra và thực thi nghiêm túc những nguyên tắc, quy định để đảm bảo sự nghiêm khắc, công bằng và bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, xóa bỏ vùng cấm, ngăn chặn sự phát sinh đặc quyền đặc lợi. Đặc biệt, cần ứng dụng các thành tựu khoa học, nhất là công nghệ số để khách quan hóa những quan hệ giao dịch dân sự, nhất là những giao dịch có nguy cơ nảy sinh tiêu cực...

Thứ tư, xây dựng và thực hiện chiến lược mới về công tác cán bộ. Trong chiến lược cán bộ mới cần có những điều kiện, giải pháp nhằm đào tạo, bồi dưỡng để sớm xây dựng được một đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chiến lược, vừa hồng, vừa chuyên, có năng lực công tác tốt, có nhân cách đạo đức tốt, đáp ứng những yêu cầu của thực tế đang đặt ra. Để đáp ứng yêu cầu đó, cần đổi mới căn bản về nhận thức, về hệ thống tổ chức, về nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.

Trước hết, không thể quên rằng, việc đào tạo cán bộ cho hệ thống chính trị bắt đầu ngay từ giáo dục phổ thông. Nếu chức năng giáo dục phổ thông là giáo dục nhân cách, lối sống con người, kỹ năng, lối sống của công dân, thì đây cũng chính là tạo “phôi” cho việc đào tạo cán bộ về sau. Sự nhầm lẫn về mục tiêu, nội dung, phương pháp giữa giáo dục phổ thông với đào tạo nghề nghiệp, chuyên gia ở bậc đại học, giữa *xã hội hóa* giáo dục với *thị trường hóa* giáo dục, đang có nguy cơ thực tế dẫn đến những thiếu sót ngay từ khâu tạo “phôi” cho công tác đào tạo cán bộ. Đặc biệt, với tình trạng xã hội hóa giáo dục biến thành *thị trường hóa* giáo dục một cách cực đoan, thiếu định hướng hiện nay đang tạo ra sự bất bình đẳng và môi trường giáo dục phân biệt đối xử đối với trẻ em, những chủ nhân tương lai của đất nước. Chắc chắn đó không phải là mong đợi đối với một chế độ xã hội tốt đẹp, hiện đại như chúng ta.

Cần thiết nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, kết hợp đào tạo cơ bản với đào tạo theo chức danh, nhiệm vụ

từng vị trí việc làm; giữa đào tạo lý luận chính trị với đào tạo kỹ năng làm việc, phương pháp công tác; giữa đào tạo tập trung chuyên sâu với cập nhật, bổ sung tri thức, kinh nghiệm mới; giữa đào tạo bồi dưỡng tại chỗ với luân chuyển, rèn luyện thực tế...

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ không thể đạt kết quả tốt nếu không làm tốt việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi đầy đủ hệ thống quy định, chuẩn mực về đánh giá, bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc; về phân công, phân nhiệm rõ ràng, minh bạch; về chế độ đãi ngộ công bằng, hợp lý đối với cán bộ; về chế độ khen thưởng, kỷ luật, kỷ cương công bằng,

hợp lý và nghiêm khắc trong công tác cán bộ.

*

Tóm lại, việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi thể chế phát triển đất nước nhanh, bền vững không thể tách rời việc đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị. Trong điều kiện hiện nay, đây là hai trong số ít vấn đề sống còn, có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc xây dựng và phát triển của nước ta, trong đó, việc đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị có ý nghĩa trung tâm, là điều kiện trước hết cho việc xây dựng, hoàn thiện thể chế đáp ứng mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững □

^{1,2} V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.6, tr.162, 115.

^{3,4,5} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ ba, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.280, 313, 314.

^{6,7,8,9} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.172, 173, 174-175, 196.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.

^{11,12} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88, 144.

¹³ V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.45, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr.440.

VỀ TIÊU CHÍ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

1. Cơ sở và các yêu cầu (nguyên tắc) xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đại hội XII của Đảng xác định “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Như vậy, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa mang đầy đủ các đặc điểm đặc trưng chung, phổ

quát của kinh tế thị trường thế giới ở trình độ phát triển hiện đại hiện nay; vừa có những đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Do vậy, nhiều ý kiến cho rằng, cơ sở để xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cần phải: (1) Nghiên cứu sâu sắc nền kinh tế thị trường, các lý thuyết về kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới và nghiên cứu về tiêu chí nền kinh tế thị trường của một số nước kinh tế phát triển và tổ chức quốc tế; (2) Đồng thời, phải bám sát, quán triệt các quan điểm của Đảng về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế đất nước ta hiện nay.

a- Nghiên cứu về kinh tế thị trường hiện đại (tiêu biểu là ở các nước G.7) và các lý thuyết về kinh tế thị trường trên thế giới, nhiều ý kiến cho rằng mặc dù hiện nay có nhiều lý thuyết về nền kinh tế thị trường và có nhiều mô hình kinh tế thị trường¹, nhưng tất cả đều thống nhất về những đặc trưng chung, thuộc bản chất, những giá trị cốt lõi của nền kinh tế thị trường hiện đại là:

+ Đa dạng sở hữu (nền tảng là sở hữu tư nhân), quyền sở hữu, quyền tài sản được bảo vệ;

+ Tự do kinh doanh, các chủ thể kinh tế tự chủ, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng;

+ Giá cả hàng hóa, dịch vụ do thị trường quyết định, có hệ thống thị trường phát triển;

+ Các quy luật của thị trường, như quy luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh, lưu thông tiền tệ điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, điều tiết lưu thông hàng hóa, quyết định phân bổ các nguồn lực. Lợi nhuận là động lực thúc đẩy phát triển;

+ Là nền kinh tế mở;

+ Nhà nước tạo khung khổ pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu, ổn định kinh

tế vĩ mô, can thiệp hạn chế vào hoạt động của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Các nền kinh tế thị trường hiện đại đều là những nền kinh tế hỗn hợp vừa có vai trò của thị trường, vừa có vai trò của nhà nước. Tuy nhiên, mức độ và phương thức, mục đích can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường ở các nước khác nhau, tạo nên những mô hình kinh tế thị trường khác nhau.

- Nghiên cứu, phân tích tiêu chí nền kinh tế thị trường do một số nước, tổ chức quốc tế nêu ra (như EU, Mỹ, của WTO, của The Wall Street Journal và The Heritage Foundation)², nhiều tham luận và ý kiến phát biểu đánh giá:

+ Các tiêu chí do EU, Mỹ đưa ra là để đánh giá nền kinh tế các nước khác, nhất là các nền kinh tế chuyển đổi (Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũ), xem có đáp ứng yêu cầu là nền kinh tế thị trường chưa để có cách ứng xử, áp dụng các chính sách phù hợp với các nước này. Các tiêu chí tập trung vào yêu cầu bảo đảm tự do kinh doanh, vai trò của thị trường; giảm bớt vai trò của nhà nước trong việc xác định giá cả, phân bổ nguồn lực, can thiệp vào hoạt động của doanh

ngành, các ngành, lĩnh vực, có hệ thống pháp luật công khai, minh bạch, tôn trọng quyền sở hữu, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp bằng chính sách thương mại, tài chính, tiền tệ... Trong tiêu chí còn có cả “các yếu tố khác” để Mỹ, EU có thể đối xử khác nhau với các nước khác nhau, tùy thuộc mục tiêu, quan điểm chủ quan của mình.

+ Đối với các tiêu chí kinh tế thị trường của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), và các chỉ số tự do kinh tế do The Wall Street Journal và The Heritage Foundation công bố, cần phải thấy rằng: WTO là một định chế quốc tế điều chỉnh và thúc đẩy phát triển thương mại toàn cầu, nên tiêu chí WTO đưa ra chỉ tập trung vào lĩnh vực thương mại, xóa bỏ những rào cản tự do thương mại, những phân biệt đối xử, cản trở cạnh tranh lành mạnh, thiếu công khai, minh bạch trong chính sách, sử dụng hàng rào thuế quan, phí thuế quan,

chính sách trợ giá, độc quyền..., mà không có tiêu chí về các lĩnh vực khác của nền kinh tế thị trường. Còn các chỉ số tự do kinh tế do The Wall Street Journal và The Heritage Foundation công bố hằng năm chỉ tập trung thể hiện một đặc trưng là tự do kinh tế;

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa mang đầy đủ các đặc điểm đặc trưng chung, phổ quát của kinh tế thị trường thế giới ở trình độ phát triển hiện đại hiện nay; vừa có những đặc trưng định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

đây là đặc trưng rất quan trọng của kinh tế thị trường, nhưng đó chưa phải là đầy đủ những tiêu chí của nền kinh tế thị trường.

Nhiều ý kiến cho rằng, việc nghiên cứu những đặc trưng của các nền kinh tế thị trường tiêu biểu trên thế giới và các tiêu chí nền kinh tế thị trường do các nước, tổ chức quốc tế đưa ra là rất quan trọng và cần thiết khi xác định tiêu chí nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta để nền kinh tế thị trường nước ta trở thành nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, không phải theo quan điểm, tiêu chí riêng của Việt Nam, mà theo tiêu chí chung của thế giới. Một số ý kiến

còn cho rằng, việc nghiên cứu đặc trưng của nền kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới ngày nay còn có giá trị đối với việc xác định những yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường nước ta bởi nhiều mầm mống của chủ nghĩa xã hội cũng nảy sinh từ trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại.

b- Bám sát, quán triệt những quan điểm của Đảng về những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và trình độ phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay, một số ý kiến cho rằng những yếu tố đặc trưng của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế và những yếu tố đặc trưng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường nước ta không tách rời nhau mà gắn kết chặt chẽ với nhau, tạo nên kết cấu và cơ chế vận hành, động lực và cơ chế điều tiết hoạt động của nền kinh tế, bảo đảm cho sự phát triển bền vững, bao trùm (cả về kinh tế, xã hội, môi trường) vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Các đặc trưng đó không được mâu thuẫn với nhau, cản trở nhau; các đặc trưng định hướng xã hội chủ

nghĩa phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế đất nước hiện nay.

Từ các quan điểm của Đảng đến Đại hội XII và Hội nghị Trung ương 5 khóa XII, nhiều ý kiến cho rằng, những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chúng ta đang xây dựng là:

- Có nhiều hình thức sở hữu, quyền sở hữu, quyền tài sản được bảo vệ; nhiều thành phần kinh tế; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

- Tự do kinh doanh; các chủ thể, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hợp tác, cạnh tranh bình đẳng.

- Vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong xác định giá cả và phân bổ các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất, điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém.

Nhà nước xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường minh bạch, bình đẳng; giữ ổn định kinh tế vĩ mô; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động; sử dụng các công cụ chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các nguồn lực của Nhà nước để định hướng, điều tiết kinh tế; làm tốt vai trò kiến tạo, phát triển. Đồng thời, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng, xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh của đất nước; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Các nguồn lực của Nhà nước được phân bổ, sử dụng theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phù hợp với cơ chế thị trường.

- Phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Là nền kinh tế mở, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế gắn kết chặt chẽ với các nền kinh tế trên thế giới.

Với những đặc trưng này, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa có những yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa có những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay.

- Nhưng, có một số ý kiến cho rằng, quyền sở hữu, quyền tài sản đối với một số đối tượng (đất đai, tài nguyên, sản phẩm trí tuệ...), quyền tự do kinh doanh đối với một số lĩnh vực vẫn còn chưa được xác định rõ và nhất là chưa được thực hiện đầy đủ, nhất quán trong thực tế. Vai trò của cơ chế thị trường chưa được phát huy đầy đủ. Vai trò của Nhà nước còn lớn, còn lấn lướt, làm thay vai trò, chức năng của thị trường (trong xác định giá cả, phân bổ nguồn

Nhà nước xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường minh bạch, bình đẳng; giữ ổn định kinh tế vĩ mô; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động; sử dụng các công cụ chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các nguồn lực của Nhà nước để định hướng, điều tiết kinh tế; làm tốt vai trò kiến tạo, phát triển.

lực, can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp...). Cơ chế phân phối thể hiện trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), trong Văn kiện Đại hội XII và cả trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa³ thực chất là phân phối theo cơ chế thị trường có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước, trong đó có hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, vì vậy, cần diễn đạt lại cho gọn và chính xác hơn.

Một số ý kiến nêu vấn đề trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thì có mâu thuẫn với nhau không; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì kinh tế thị trường nước ta có phải là nền kinh tế thị trường hiện đại như phổ biến trên thế giới hiện nay không (kinh tế thị trường hiện đại trên thế giới nền tảng là kinh tế tư nhân). Đây là những vấn đề cần phải tiếp tục được làm rõ.

c- Những yêu cầu (hay nguyên tắc) xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Các tiêu chí được xác định phải có tính khoa học cao, có căn cứ khoa học, thuyết phục. Tiêu chí thể hiện đặc trưng của nền kinh tế thị trường hiện đại phải tương thích với tiêu chí kinh tế thị trường ở các nước phát triển hiện nay, phải có tính thời đại. Tiêu chí định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tính đặc thù của kinh tế thị trường Việt Nam, nhưng không mâu thuẫn, cản trở, triệt tiêu những tác động tích cực của các yếu tố thị trường. Tiêu chuẩn đánh giá tính khoa học của các tiêu chí là nền kinh tế thị trường theo các tiêu chí đó phải giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển bền vững theo hướng trở thành nước công nghiệp hiện đại, hội nhập quốc tế thành công; đời sống vật chất, tinh thần, quyền làm chủ của nhân dân không ngừng được nâng lên; môi trường sinh thái được bảo vệ; thực hiện được mục tiêu, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Các tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải có tính thực tiễn cao, sát thực tiễn đất

nước, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế đất nước hiện nay. Các tiêu chí phải trực tiếp góp phần vào tạo sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong Đảng và nhân dân ta về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý của các cấp, các ngành, các địa phương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phải góp phần vào việc vận động, thuyết phục các nước công nhận kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường.

- Các tiêu chí cần mang tính định hướng, động và mở để phù hợp với đối tượng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta luôn vận động, phát triển phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế thế giới.

- Số lượng các tiêu chí không quá nhiều. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các tiêu chí nêu ra cũng chỉ 05 - 06 nội dung (hay 05 - 06 tiêu chí) một cách rõ ràng, cụ thể. Tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta cần tập trung vào những đặc trưng về quan hệ sở hữu,

về quan hệ quản lý và cơ chế vận hành, về quan hệ phân phối, về hội nhập kinh tế quốc tế và về việc gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh để đất nước phát triển bền vững, bao trùm.

- Một số ý kiến đề nghị các tiêu chí cần có khả năng đo lường, đánh giá được bằng các phương pháp phân tích định tính, định lượng (hay một tiêu chí định tính cần được cụ thể hóa bằng một số chỉ tiêu định lượng).

2. Đề xuất cụ thể về các tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Trong các bài viết gửi đến hội thảo và ý kiến phát biểu tại cuộc hội thảo, có nhiều đề xuất về các tiêu chí của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta hiện nay, ít là 2 tiêu chí, nhiều là 5 tiêu chí; có tác giả đưa ra 17 chỉ số cụ thể. Cụ thể là:

- Có tác giả đề xuất 2 tiêu chí của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là: (1) Là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế; (2) Là nền kinh tế thị trường do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tác giả cho rằng 2 tiêu

chí như vậy là đủ để thể hiện đặc trưng của nền kinh tế thị trường nước ta, vì thế nào là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế thì hiện nay trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu và khi nền kinh tế thị trường do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thì tất yếu là định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Có tác giả đề xuất 2 nhóm tiêu chí là: (1) Nhóm tiêu chí kinh tế thị trường, trong đó có một số tiêu chí cụ thể, như: hình thành đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường còn các yếu tố thị trường, nhất là giá cả phải do thị trường quyết định; (2) Nhóm tiêu chí định hướng xã hội chủ nghĩa, gồm các tiêu chí: có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, có thể chế chính trị để vận hành nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tác giả này còn đề xuất một hướng tiếp cận khác để xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ mục tiêu đưa nước ta thành một nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, tác giả đề xuất 2 nhóm tiêu chí: (1) Nhóm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”, gồm các tiêu chí: số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế; năng

suất lao động; thu nhập bình quân đầu người; (2) Nhóm tiêu chí “dân chủ, công bằng, văn minh”, gồm các tiêu chí: Đảng Cộng sản lãnh đạo; Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quyền làm chủ của nhân dân; công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển và phân phối sản phẩm; trình độ học vấn, mức sống, điều kiện sống của người dân.

- Tác giả khác đề xuất 2 tiêu chí của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: (1) Hiệu quả và (2) Công bằng và tiến bộ xã hội. Tác giả cho rằng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế phải có hiệu quả và định hướng xã hội chủ nghĩa càng phải có hiệu quả. Còn công bằng và tiến bộ xã hội là những đặc trưng tiêu biểu cho định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Có tác giả đề xuất 3 nhóm tiêu chí của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là: (1) Là nền kinh tế thị trường hiện đại; (2) Là nền kinh tế thị trường văn minh; (3) Là nền kinh tế thị trường nhân bản (vì con người). Tác giả cho rằng tiêu chí là nền kinh tế thị trường hiện đại phản ánh trình độ,

định hướng phát triển của nền kinh tế thị trường, bao gồm hiện đại về công nghệ và hiện đại về thể chế kinh tế. Tiêu chí là nền kinh tế thị trường văn minh thể hiện định hướng và trình độ phát triển văn minh - văn hóa của nền kinh tế, như đòi hỏi phải có môi trường phát triển minh bạch và trong sạch, phát triển xanh, bền vững. Tiêu chí là nền kinh tế thị trường nhân bản (vì con người) thể hiện tính chất và mục đích nhân văn của sự phát triển kinh tế; trong đó có các yêu cầu như mức sống, chỉ số phát triển con người (HDI), các quyền con người (quyền tài sản, quyền tiếp cận thông tin, quyền bầu cử, ứng cử...).

- Có tác giả đề xuất 4 tiêu chí của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là: (1) Là nền của nền kinh tế thị trường đa sở hữu (bao gồm sở hữu tư nhân và sở hữu xã hội); (2) Nền kinh tế được điều tiết bằng nhà nước pháp quyền; (3) Chế tài điều tiết các hoạt động kinh tế là chế độ hợp đồng; (4) Tính định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện trước hết ở việc nhà nước pháp quyền sử dụng các nguồn lực, công cụ điều tiết chính sách phân phối để bảo đảm sự

hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

- Có tác giả đề xuất 5 tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là: (1) Đa sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, các chủ thể kinh tế có quyền tự chủ, tự do kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; (2) Kinh tế hỗn hợp, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong xác định giá cả, phân bổ các nguồn lực, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp. Nhà nước, với sự tham gia của các tổ chức xã hội, xây dựng thể chế, ổn định kinh tế vĩ mô; sử dụng các công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để điều tiết thị trường, thúc đẩy và định hướng phát triển của nền kinh tế theo hướng bền vững, bao trùm (cả kinh tế, xã hội và môi trường); (3) Cơ chế phân phối là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế; đồng thời theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và phân phối qua hệ thống an

sinh xã hội, phúc lợi xã hội; (4) Có lực lượng sản xuất hiện đại; có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao; (5) Là nền kinh tế mở, hội nhập quốc tế, có quan hệ thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, lao động, khoa học - công nghệ, tham gia vào phân công, hợp tác quốc tế, các chuỗi giá trị toàn cầu.

- Có tác giả đưa ra 17 chỉ số (đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) là: (1) Chỉ số tự do kinh tế; (2) Chỉ số thuận lợi trong kinh doanh; (3) Quy mô của Chính phủ; (4) Chỉ số nhận thức về tham nhũng; (5) Độ mở thương mại; (6) Độ mở tài chính; (7) Tỷ trọng của FDI so với tổng đầu tư toàn xã hội; (8) Tỷ trọng của FDI so với GDP; (9) Tỷ trọng kiều hối so với GDP; (10) Chỉ số hộ chiếu; (11) Chỉ số sẵn sàng kết nối; (12) Chỉ số chuỗi giá trị sản phẩm; (13) Chỉ số kinh tế tri thức; (14) Hệ số GINI; (15) Hệ số co dãn của đói nghèo với mở cửa thương mại; (16) Hệ số co dãn của bất bình đẳng với mở cửa thương mại; (17) Chỉ số chất lượng môi trường. Tác giả cho rằng các chỉ số này có thể tính được và nhiều nước cũng đã tính các chỉ số này.

Mục đích của Hội thảo là đi đến xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Tuy nhiên, là Hội thảo đầu tiên được tổ chức về chủ đề này, nhiều bài viết gửi đến tham gia hội thảo tiếp tục phân tích về các đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà chưa đề xuất các tiêu chí cụ thể. Một số bài viết và ý kiến phát biểu tại hội thảo đề xuất các tiêu chí về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn đơn giản (như chỉ đề xuất tiêu chí hiệu quả và công bằng, tiến bộ xã hội; hay tiêu chí là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế và do Đảng Cộng sản lãnh đạo...). Một số bài viết và ý kiến phát biểu đề xuất một số tiêu chí nhưng không bám sát các đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định trong các văn kiện của Đảng (như đề xuất tiêu chí là kinh tế thị trường văn minh, kinh tế thị trường nhân văn, kinh tế theo chế độ hợp đồng...). Có bài viết bám sát các đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được nêu trong các Văn kiện Đảng để xác định các tiêu chí, nhưng các tiêu chí chưa

cụ thể hóa hơn các đặc trưng. Chưa có bài viết và ý kiến nào đưa ra được tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước vào năm 2030, khi nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và vào năm 2045, khi nước ta trở thành nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chất lọc, tiếp thu những kết quả của hội thảo, bước đầu, chúng tôi đề xuất phương án về xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gồm có:

- Kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần. Quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh được tôn trọng, bảo vệ. Doanh nghiệp mọi thành phần tự chủ, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật, công khai, minh bạch. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Thị trường đóng vai trò chủ yếu xác định giá cả, phân bổ nguồn lực, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp. Nhà nước xây dựng thể chế, ổn định kinh tế vĩ mô,

kiến tạo phát triển bền vững, bao trùm cả kinh tế, xã hội, môi trường.

- Phân phối theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác, đồng thời qua hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội.

- Có lực lượng sản xuất phát triển cao, hiện đại, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao (theo tiêu chí của các nước công nghiệp hiện đại)

- Nền kinh tế hội nhập quốc tế, có quan hệ thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, lao động, khoa học công nghệ với các nước; tham gia vào phân công, hợp tác kinh tế quốc tế, các chuỗi giá trị toàn cầu; các thị trường trong nước kết nối với thị trường thế giới.

Các tiêu chí trong cả phương án trên là những đặc trưng lớn, chưa được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu định tính hay định lượng cụ thể hơn để dễ dàng, thuận lợi cho việc đánh giá và phân biệt trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường ở các thời kỳ khác nhau (như đến năm 2030 hay 2045)⁵. Đây là vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu hơn nữa □

¹ Các mô hình kinh tế thị trường trên thế giới: kinh tế thị trường tự do, kinh tế thị trường xã hội, kinh tế thị trường nhà nước phúc lợi, kinh tế thị trường nhà nước phát triển.

- **5 tiêu chí kinh tế thị trường của EU:** (1) Mức độ ảnh hưởng của chính phủ đối với việc phân bổ các nguồn lực và các quyết định của doanh nghiệp; (2) Nhà nước không can thiệp quá mức hoạt động của doanh nghiệp khu vực tư nhân hóa; (3) Luật doanh nghiệp minh bạch, không phân biệt đối xử; (4) Một hệ thống luật thống nhất, hiệu quả, minh bạch, tôn trọng quyền sở hữu tài sản và quy chế phá sản; (5) Có khu vực tài chính độc lập với nhà nước.

- **6 tiêu chí nền kinh tế thị trường của Bộ Thương mại Mỹ:** (1) Khả năng chuyển đổi đồng tiền; (2) Tự do thỏa thuận mức lương; (3) Đầu tư nước ngoài; (4) Sở hữu hoặc quản lý của nhà nước đối với các ngành sản xuất; (5) Quản lý của nhà nước đối với sự phân bổ các nguồn lực; (6) Các yếu tố khác.

- **5 tiêu chí kinh tế thị trường của WTO:** (1) Thương mại không phân biệt đối xử; (2) Thương mại ngày càng tự do hơn; (3) Bảo đảm tính minh bạch, để dự đoán trong chính sách thương mại; (4) Thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh; (5) Thúc đẩy phát triển và cam kết cải cách kinh tế theo hướng thị trường.

- **12 chỉ số tự do kinh tế của The Wall Street Journal và The Heritage Foundation:** (1) Quyền tư hữu; (2) Chính phủ liêm chính; (3) Hiệu quả tư pháp; (4) Gánh nặng thuế; (5) Chi tiêu Chính phủ; (6) Tình hình tài khóa; (7) Tự do kinh doanh; (8) Tự do lao động; (9) Tự do tiền tệ; (10) Tự do thương mại; (11) Tự do đầu tư; (12) Tự do tài chính.

⁴ Trong các văn kiện trên đều xác định “phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”.

⁵ Ví dụ như: để tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, ngoài pháp luật công khai, minh bạch, cần có Chính phủ liêm chính, nền tư pháp có hiệu quả; để phát huy vai trò của thị trường trong xác định giá cả, phân bổ nguồn lực, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp cần phải có tự do lưu thông hàng hóa, tự do tài chính, tiền tệ, lao động... Để phân biệt các trình độ phát triển cần có các chỉ tiêu về GDP, về GDP bình quân đầu người...

HỆ TIÊU CHÍ NƯỚC CÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI TIẾP CẬN TỪ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

● PGS, TS TRẦN THỊ VÂN HOA

Đại học Kinh tế Quốc dân

Chủ nhiệm đề tài KX.04.13/16-20

1. Cách tiếp cận, yêu cầu và đề xuất hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Khác với một số hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại đã được đề xuất thời gian qua, đề tài KX04.13/16-20 chỉ tiếp cận hệ tiêu chí theo mục tiêu phát triển đất nước. Với cách tiếp cận này, hệ tiêu chí được xem là những mục tiêu phản ánh thành quả phát triển của đất nước và thể hiện được đích cần đạt được cũng như viễn cảnh phát triển của đất nước khi đạt nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên quan điểm không đồng nhất nước công nghiệp với công nghiệp hóa, có thể có nhiều con đường để phát triển đất nước trở thành nước

công nghiệp hiện đại, trong đó công nghiệp hóa (đặc biệt là quá trình CNH theo kiểu truyền thống tuân tự qua các giai đoạn) chỉ là một trong những cách thức mà các quốc gia đã lựa chọn để thực hiện. Một số nước phát triển hiện nay đã được vào nhóm các nước OECD nhưng thông qua con đường CNH đất nước theo các giai đoạn như truyền thống mà đã có những bước nhảy vọt nhờ vào quá trình phát triển nông nghiệp CNC và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở khâu có giá trị gia tăng cao (Israel); hay Newze-land, Singapore, Hongkong...

Với cách tiếp cận như vậy, đề tài quan niệm **nước công nghiệp hiện đại** là nước có nền kinh tế phát

triển nhất trên thế giới và có thể được xếp vào nhóm các nước đã phát triển (theo cách phân loại OECD); hay nền kinh tế tiên tiến theo cách phân loại của IMF; hoặc nước đã hoàn thành công nghiệp hóa theo cách phân loại của UNIDO hoặc nước có thu nhập cao theo cách phân loại của WB và chỉ số phát triển con người ở mức rất cao theo cách phân loại của UNIDO. Từ “hiện đại” là tính từ chỉ tính chất riêng có của nước công nghiệp mà Việt Nam lựa chọn, phản ánh sự hiện đại của nền kinh tế, hiện đại của xã hội, hiện đại của môi trường. Từ “hiện đại” cũng phản ánh tính thời đại, tính tiên tiến trong cách tiếp cận khác với các nước công nghiệp truyền thống trước đây, đó là nền công nghiệp hiện đại có sự lan tỏa, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển không chỉ là của các ngành, các lĩnh vực kinh tế khác mà tác động đến sự phát triển XH, văn hóa và hành vi làm việc, ứng xử của con người trong nền kinh tế đó. ***Nước công nghiệp theo hướng hiện đại với tư cách là bước trung gian để đạt đến***

nước công nghiệp hiện đại thì có thể có các đặc điểm tương đồng với các nước công nghiệp mới (NICs), công nghiệp mới nổi nhưng vẫn phải thể hiện được xu thế và tính hiện đại riêng có của Việt Nam.

Trên thế giới có rất nhiều cách thức lựa chọn mục tiêu phát triển đất nước khác nhau. Đơn giản thì như Israel lựa chọn mục tiêu phấn đấu được ra nhập các nước OECD vào năm 2010 với GNI/người đạt ở nhóm thu nhập cao trên thế giới. Buhtan, đất nước nhỏ bé ở Nam Á lại lựa chọn trở thành quốc gia có chỉ số tổng hạnh phúc quốc gia (GNH) cao nhất. Trung Quốc lựa chọn mục tiêu hoàn thành xây dựng xã hội khá giả vào năm 2020 như một mục tiêu trung gian để xây dựng cường quốc XHCH hiện đại vào giữa thế kỷ 21. Năm 1991, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cụ thể hóa mục tiêu xây dựng xã hội khá giả bằng hệ thống 16 tiêu chí trong đó tiêu chí GDP/người là quan trọng nhất. Năm 2002, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua 10 chỉ tiêu để phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả, trong

đó, đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu tăng GDP/người gấp đôi năm 2000 vào năm 2010 và đến năm 2020 mức GDP/người gấp đôi năm 2010 và vượt mức 3000 USD. Để đạt được mục tiêu này, chính phủ Trung Quốc đặc biệt coi trọng các giải pháp đảm bảo tốc độ phát triển kinh tế cao, nâng cao mức sống và chất lượng sống của nhân dân, thực hiện thoát nghèo cho số người nghèo khổ dưới mức tiêu chuẩn hiện hành ở nông thôn, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái, đồng thời trở thành nền kinh tế có tổng sản lượng quốc dân GDP đứng thứ 2 thế giới, vượt qua mốc 10.000 tỷ USD. Trên cơ sở đó, Đại hội XIX (2017), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đặt ra yêu cầu đến năm 2035 cơ bản hoàn thành hiện đại hóa đất nước và đến năm 2050 hoàn thành hiện đại hóa. Với tư cách Tổng Bí thư, Chủ tịch nước của giai đoạn nước rút hoàn thành mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội Khá giả vào năm 2020, ông Tập Cận Bình đã nêu lên 2 tiêu chí mới để kiểm nghiệm xã hội khá giả, bao gồm: (1) *Một là*, xã hội toàn diện khá giả phải là một xã hội được

nhân dân thừa nhận, không phải là một xã hội được “đóng kịch bằng những con số”. Theo ông, xuất phát điểm và điểm dừng chân của xây dựng toàn diện xã hội khá giả là nhân dân phải có được cuộc sống tốt đẹp hơn, đó chính là phải nắm chắc những vấn đề lợi ích mà nhân dân quan tâm nhất, trực tiếp nhất, thiết thực nhất; chính là phải nghĩ những điều mà nhân dân suy nghĩ, lo những điều mà nhân dân lo lắng, giải quyết những khó khăn của quần chúng. Chỉ có nhân dân hài lòng, nhân dân thừa nhận, mục tiêu xây dựng thành công xã hội khá giả mới được coi là thực hiện một cách chân chính; (2) *Hai là*, xã hội toàn diện khá giả phải là một xã hội được lịch sử kiểm nghiệm, không phải là một xã hội của những công trình thành tích chính trị, càng không phải là những công trình hình thức; mà phải là một xã hội trong đó một tay giương cao cuộc sống hạnh phúc của người dân, một tay giương cao giấc mộng của dân tộc Trung Hoa; đó cũng là một xã hội được gọi là “ngũ vị nhất thể” (theo cách gọi của Việt Nam là 5 trong 1), bao gồm:

Kinh tế phát triển, chính trị ổn định, xã hội tiến bộ văn minh, văn hóa dân tộc được phát huy, môi trường sinh thái được đảm bảo.

Từ kinh nghiệm của các nước trong lựa chọn mục tiêu và tiêu chí phát triển đất nước, có thể rút ra một số bài học sau:

Việc xác định mục tiêu phát triển cần phải rõ ràng, cụ thể và có tính động lực, làm rõ lợi ích của toàn dân qua đó mới có thể huy động được sức mạnh của toàn dân (như mục tiêu xây dựng xã hội khá giả của Trung Quốc). Mục tiêu phát triển đất nước phải phù hợp với cương lĩnh phát triển và mục tiêu phát triển bền vững đã được liên hiệp quốc thông qua.

Việc xác định mục tiêu phát triển đất nước cần đơn giản, không phức tạp nhưng có tính động lực thúc đẩy và hướng tới những gì mà toàn dân quan tâm, và phải chỉ được những lợi ích mà người dân được hưởng cũng như vị thế của quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu.

Ngưỡng và thời điểm đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp ở các nước khác nhau là khác nhau tùy

thuộc vào trình độ phát triển kinh tế-xã hội toàn cầu và mục tiêu của các tổ chức đưa ra tiêu chí. Chính vì vậy, tiêu chí xác định là phải có tính động và có khả năng điều chỉnh qua từng giai đoạn nhưng vẫn phải đảm bảo tính hướng đích tập trung và có tính mở.

Tiếp cận theo mục tiêu phát triển đất nước, hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại phải cụ thể hóa được mục tiêu tổng quát bằng các thành quả phát triển bền vững của Việt Nam qua các thời kỳ như mức độ đạt được của tăng trưởng kinh tế, mức độ đạt được của thu nhập bình quân đầu người, mức độ đạt được của tiến bộ của xã hội... mà chúng ta mong muốn. Các chỉ tiêu cụ thể này khác với cách thức để đạt mục tiêu ở chỗ nó có thể đo đếm được, có thể so sánh được tại một thời điểm cụ thể. Cách thức, giải pháp để đạt được các mục tiêu này sẽ thể hiện một quá trình triển khai một hoặc nhiều hành động cụ thể để đạt mục tiêu.

Với cách tiếp cận đó, hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại mà đề tài đề xuất dựa trên những quan điểm và yêu cầu sau:

Mục tiêu của xây dựng hệ tiêu chí là thể hiện thành quả phát triển đất nước tại thời điểm đạt nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vừa là động lực để thúc đẩy toàn dân vừa là định hướng phát triển và đặc biệt làm rõ được các thước đo để xác định mức độ phát triển đất nước cũng như vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu. Do vậy, hệ tiêu chí cần mang tính tổng quát thể hiện những nét cơ bản về hình ảnh đất nước trong tương lai và phản ánh được bản chất của nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có sự phát triển vững chắc, toàn diện và hiện đại về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, bảo vệ môi trường không mâu thuẫn với các mục tiêu phát triển bền vững.

Do đây là hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại nên các mức độ đạt được có thể chưa bằng mức của nước công nghiệp hiện đại nhưng phải thể hiện được tính hiện đại của nền kinh tế và khẳng định quá trình từng bước phát triển thành nước công nghiệp hiện đại của Việt Nam. Tính hiện đại ở đây được thể hiện ở các tiêu chí phản

ánh trình độ phát triển của Việt Nam trong thời đại mới của tiến bộ xã hội, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và cách mạng công nghiệp 4.0 (khác với các cuộc cách mạng CN trước đó).

Mức độ đạt được của các tiêu chí trong hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại cần phản ánh rõ mức độ giàu mạnh của đất nước, mức độ tiến bộ của xã hội trong sự so sánh với thế giới, qua đó, định vị được hình ảnh và vị thế của Việt Nam trong khu vực và quốc tế, có thể lấy mức đã đạt được của các nước mới ra nhập OECD hoặc nhóm nước công nghiệp mới NICs làm tiêu chuẩn để xác định ngưỡng cần đạt được của các tiêu chí.

Các tiêu chí đưa ra trong hệ tiêu chí phải bảo đảm khả năng ứng dụng thực tế, có hệ thống dữ liệu thống kê đủ độ tin cậy, có chỉ dẫn rõ ràng về phương pháp tính toán các chỉ tiêu; nằm trong các chỉ tiêu thông dụng thuộc “Hệ thống thông tin Thống kê” (Statistical information system – SIS) của Liên hợp quốc và phù hợp với khả năng thống kê về kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Số lượng các tiêu chí không quá nhiều để đảm bảo dễ nhớ, dễ hiểu để phấn đấu nhằm đạt các mục tiêu lâu dài mà cương lĩnh phát triển đất nước đã đề ra.

Là các tiêu chí phản ánh thành quả phát triển của nước công nghiệp theo hướng hiện đại nên có thể chấp nhận thời điểm đạt các tiêu chí là không đồng nhất do từ “hướng” chi phối. Do vậy, khi xác định thời điểm chung mà nước ta đạt được nước công nghiệp theo hướng hiện đại khi mà có 2/3 số tiêu chí đạt được. Nếu có 5 tiêu chí thì ta sẽ đạt được nước công nghiệp theo hướng hiện đại khi đạt được 3/5 tiêu chí hoặc khi chọn mức độ đạt được có thể lấy bằng 70-80% mức của các nước công nghiệp hiện đại.

Phương án 1: Với quan niệm nước công nghiệp hiện đại là nước phát triển thịnh vượng thể hiện ở mức thu nhập cao. Xác định mục tiêu phát triển đất nước là phấn đấu vào nhóm thu nhập cao của thế giới. Mục tiêu này chỉ đơn giản nhấn mạnh đến tăng thu nhập (theo cách phân loại của WB) nên hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện

đại của Việt Nam chỉ bao gồm chỉ 1 tiêu chí duy nhất là **GNI/người**. Các tiêu chí khác chỉ có tính tham khảo và bổ trợ.

Vì sao? Thứ nhất, vì WB phân loại các quốc gia trên thế giới theo tiêu chí này nên khi dùng tiêu chí này chúng ta có khả năng so sánh và định vị hình ảnh của Việt Nam trên toàn thế giới; thứ hai, bản thân GNI/người là chỉ tiêu phản ánh mức sống và thu nhập trung bình của Việt Nam không tính đến là thu được ở quốc gia nào và nó cũng là chỉ tiêu phản ánh sự thịnh vượng của nền kinh tế; thứ ba, GNI/người cũng phản ánh thành quả phát triển kinh tế xã hội mà Việt Nam đang phấn đấu.

Mức nào? Mục tiêu phấn đấu của Việt Nam là được xếp vào các quốc gia có thu nhập cao, do đó ngưỡng lựa chọn là ngưỡng thấp nhất của quốc gia có thu nhập cao và là ngưỡng cao nhất của nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Năm 2017, Ngân hàng thế giới đã dựa vào GNI/người tính theo phương pháp Atlas để phân loại các nền kinh tế thành 4 nhóm: Nhóm có thu nhập

thấp có GNI/người nhỏ hơn 1.100USD, nhóm có thu nhập trung bình thấp có GNI/người từ 1.100 - 3.900 USD; nhóm có thu nhập trung bình cao có GNI/người từ 3.900-12.055 USD/người; nhóm có thu thập trung bình cao có GNI/người đạt từ 12.056 USD/người trở lên. Hằng năm, các ngưỡng này được điều chỉnh và công bố vào ngày 1/7 tùy theo tính hình phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu. Vì thế, mức này khó xác định một cách chính xác. Hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhóm nghiên cứu lựa chọn năm lẻ để xác định năm gốc và tính GNI/người tăng gấp đôi, để dự báo, nhóm áp

dụng phương pháp dự báo theo nguyên tắc 70.

Thời gian đạt mục tiêu? Nếu lấy GNI/người năm 2015 làm năm gốc để phấn đấu, Việt Nam phấn đấu cứ sau 10 năm, GNI/người tăng gấp đôi. Điều này có nghĩa là ***năm 2015 Việt Nam đạt GNI/người là 3.900 USD và lọt vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao.*** Năm 2035, GNI/người đạt 7.800 USD/người (tốp trên của nhóm nước có thu nhập trung bình cao), năm 2045 GNI/người đạt mức 1.560 USD (trong nhóm nước có thu nhập cao). Theo nguyên tắc dự báo 70, nếu muốn cứ sau 10 năm GNI/người tăng lên gấp đôi thì tốc độ tăng trưởng GNI/người phải đạt 7%/năm. Cụ thể kết quả dự báo trong bảng 1.

Bảng 1

STT	Năm	GDP/người (USD/người) (theo giá hiện hành)	GNI/người (USD/người) (Theo giá hiện hành)
1	2015	2190	1998
2	2016	2215	2060
3	2017	2389	2170
5	2025	4380	3996 (ngưỡng nhóm nước có TN TB cao)
6	2035	8760	7992
7	2045	17.520	15.984

Nguồn: Dự báo của nhóm nghiên cứu theo nguyên tắc 70 dựa theo số liệu của TCTK

Phương án 2: Quan niệm nước công nghiệp hiện đại là quốc gia thịnh vượng về kinh tế, có qui mô phát triển kinh tế lớn và sự phát triển con người cao. Mục tiêu phát triển đất nước là phấn đấu vào nhóm nước phát triển, có thu nhập cao và có sự phát triển con người ở mức cao. Đây là mục tiêu phát triển toàn diện hơn, vừa mở rộng qui mô và đảm bảo sự thịnh vượng của nền kinh tế nói chung và từng người dân nói riêng, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống và sự phát triển con người. Với mục tiêu này, 2 tiêu chí quan trọng được lựa chọn là GDP/người (theo cách phân loại của WB và OECD) và HDI (Theo cách phân loại của UNDP). Tuy nhiên, để đảm bảo tính cơ cấu, tính hiện đại trong quá trình phát triển, hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại có thể bổ sung tiêu chí tỷ lệ % lao động trong nông nghiệp. Do đó, hệ tiêu chí đề xuất bao gồm 3 nhóm tiêu chí chính, cơ bản (1) nhóm thể hiện qui mô nền kinh tế: GDP/người; (2) nhóm thể hiện cơ cấu kinh tế: Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động

xã hội; (3) nhóm thể hiện mức độ phát triển con người: chỉ số phát triển con người HDI.

Vì sao lại là 3 chỉ tiêu này? Thứ nhất, GDP/người thể hiện qui mô của nền kinh tế bình quân đầu người phản ánh sức mạnh về kinh tế. Hiện nay GDP vẫn là chỉ tiêu được IMF dùng để xác định sự thịnh vượng và tăng trưởng của các quốc gia. Theo báo cáo của PwC, năm 2018, Mỹ vẫn là quốc gia có giá trị cao nhất với qui mô GDP trên 19 ngàn tỷ, tiếp sau là Trung Quốc, Nhật Bản... Việt Nam đứng thứ 49 trong bảng xếp hạng với qui mô 240 tỷ. Theo dự báo của PwC, năm 2050 qui mô nền kinh tế Việt Nam có thể vươn lên vị trí xếp hạng thứ 20 trên thế giới. Thứ hai, tỷ lệ lao động trong nông nghiệp vừa thể hiện cơ cấu nền kinh tế và sự thay đổi năng suất lao động trong nông nghiệp, vừa thể hiện thành quả phát triển lên xã hội hiện đại khi người lao động được dịch chuyển sang các ngành phi nông nghiệp. Thứ ba, chỉ số HDI phản ánh trình độ phát triển con người và được UNDP sử dụng để xếp loại các nền kinh tế.

HDI được đo lường thông qua 3 chỉ số thành phần (1) thu nhập bình quân đầu người GNI/người tính theo sức mua tương đương (PPP), (2) Chỉ số học vấn/tri thức (EI) và (3) chỉ số tuổi thọ trung bình (LEI).

Mức độ nào? Về GDP/người, có thể lấy mục tiêu phấn đấu cứ sau 10 năm tăng gấp đôi, theo phương pháp dự báo của nguyên tắc 70. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp cứ sau mỗi năm giảm được trung bình 2% như hiện nay; và HDI có tốc độ tăng thêm tương đương với các nước thuộc nhóm HDI trung bình khoảng 0,01%/năm. Với mục tiêu phấn đấu này, lộ trình thực hiện được các tiêu chí dự kiến như sau (bảng 2):

Theo hệ tiêu chí này, đến năm 2030 Việt Nam có thể đạt được 2

trong 3 tiêu chí và coi như đạt được nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc để đến năm 2045 chúng ta hoàn thành xây dựng nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN nếu có sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp dân cư và toàn xã hội.

Phương án 3: Quan niệm nước công nghiệp hiện đại là nước có sự phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Lúc này, mục tiêu phát triển đất nước trùng với mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại gồm đầy đủ các khía cạnh của sự phát triển bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường, phù hợp với xu hướng của thời đại. Các tiêu chí 5 nhóm chỉ tiêu (bảng 3).

Bảng 2

Năm	2015	2016	2017	2018	2025	2030	2035	2045
GDP/người tính theo giá hiện hành (USD)	2.190	2.215	2.389	2.540	4.380	6.570	8.760	17.520
% lao động trong nông nghiệp <20%	44,0%	41,9%	40,2%	38,2%	26,2%	16,2%	<10%	<10%
HDI > 8.0	0,66	0,67	0,68	0,69	0,76	0,81	0,86	>0,9

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Bảng 3

TT	Các mục tiêu phát triển	Tiêu chí	Chỉ tiêu/thời gian ước đạt	Thời gian đạt ngưỡng
1	Kinh tế Thể hiện sức mạnh của nền kinh tế và cơ cấu kinh tế	GDP/người (tính theo USD thời điểm hiện tại)	≥ 12.000 (2045 nếu tốc độ tăng trưởng TB 6,8%).	Thể hiện qui mô và độ lớn của nền kinh tế. Tương đương các ngưỡng của các nước mới vào OECD
2		Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội (%)	≤ 20% (2030)	Bằng ngưỡng của nước đã hoàn thành CNH theo cách phân loại của WB
3	Xã hội Thể hiện sự tiến bộ xã hội	Chỉ số phát triển con người (HDI (0-1))	≥ 0,8 (2030)	Bằng với mức của nước công nghiệp mới Malaysia và mức của nhóm nước có sự phát triển con người rất cao
4	Văn minh Xu hướng thời đại	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)* Điểm 0-100	≥ 53,1 điểm (2035)	Bằng với mức của Trung Quốc năm 2018, coi đây là động lực để phát triển
5	Bền vững về môi trường Xu hướng thời đại	Chỉ số chất lượng môi trường (EPI) (0-100)	≥ 55 điểm (2035-2040)	Bằng với mức trung bình tương đương với mức của nước công nghiệp mới Malaysia

Ghi chú: Trừ tiêu chí GII chưa có trong hệ thống Thống kê Việt Nam, còn tất cả các chỉ tiêu khác đều đã có trong hệ thống Thống kê Việt Nam, tuy thực tế thì có một số tiêu chí chưa được công bố trong Niên giám Thống kê hàng năm.

Theo hệ tiêu chí lựa chọn theo phương án 3, đến năm 2035 Việt Nam có thể đạt được ít nhất là 3 tiêu chí trong tổng số 5 tiêu chí và coi như đạt được nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc để đến năm 2045 chúng ta hoàn thành xây dựng nước công nghiệp hiện đại.

3. Kinh nghiệm và giải pháp phát triển đất nước sớm đạt tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Khi nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia công nghiệp mới NICs và các nước phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Israel... nhóm nghiên cứu có thể rút ra những

bài học sau đây về cách thức đạt được mục tiêu phát triển đất nước:

Việc xác định mục tiêu đã khó nhưng tổ chức triển khai thực hiện mục tiêu còn quan trọng hơn rất nhiều. Nhiều nghiên cứu đã so sánh sự phát triển của Việt Nam với các nước Đông Á và chỉ ra nguyên nhân Việt Nam không phát triển nhanh như Trung Quốc và một số quốc gia Đông Á khác là do thiếu sự quyết liệt trong điều hành và quyết tâm đạt mục tiêu của các cấp, ngành và đơn vị thực hiện. (GS Trần Văn Thọ - 2016)

Nguồn lực phát triển đất nước là có hạn, chính vì vậy, khi thực hiện

các giải pháp phát triển đất nước cần có lộ trình rõ ràng và xác định mục tiêu ưu tiên trong từng thời kỳ, đầu tư nguồn lực để quyết liệt thực hiện mục tiêu đó, tránh đầu tư dàn trải.

Để thực hiện thành công chiến lược và chính sách phát triển, cần một đội ngũ cán bộ công chức thực sự có tài và có đức. Trong quá trình lựa chọn mục tiêu phát triển và các giải pháp thực hiện mục tiêu thì tố chất yêu nước và tinh thần trách nhiệm cao độ của các nhà lãnh đạo chính trị, và năng lực và đạo đức của quan chức nhà nước là vô cùng quan trọng và là tiền đề cơ bản để có được các chiến lược phát triển đúng đắn và thực thi các chiến lược, chính sách có hiệu quả.

Khi triển khai thực hiện các mục tiêu, cần có quyết tâm và hoài vọng về tương lai tươi sáng của đất nước họ dồn mọi nỗ lực cho phát triển ưu tiên phân bổ nguồn lực cho mục tiêu phát triển và tận dụng người tài, tránh tư tưởng bảo thủ, giáo điều vì một ý thức hệ đã lỗi thời (Bài học từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore và chủ nghĩa phát triển của Trung Quốc).

Vai trò của nhà nước rất quan trọng trong việc đề ra chiến lược, đưa

ra chính sách, xây dựng hạ tầng và các cơ chế, hành lang pháp lý để thị trường phát triển, nhưng động lực phát triển là kinh tế tư nhân, là dân doanh, là doanh nghiệp nhỏ và vừa (kinh nghiệm Nhật Bản và Hàn Quốc). Do yếu tố thể chế, ở Trung Quốc doanh nghiệp nhà nước còn nhiều nhưng khác với Việt Nam ở chỗ họ cạnh tranh với nhau rất gay gắt và nhiều doanh nghiệp nhà nước cạnh tranh mạnh trên thị trường quốc tế. Thêm vào đó, nhiều doanh nghiệp dân doanh cũng đồng thời phát triển mạnh mẽ.

Trong quá trình phát triển, vai trò của nguồn nhân lực và đổi mới sáng tạo là vô cùng quan trọng. Các nước Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan không có tài nguyên thiên nhiên nhưng có nguồn nhân lực ngày càng có chất lượng cao nhờ giáo dục, đào tạo và chú trọng đổi mới sáng tạo không ngừng, đầu tư thỏa đáng cho nghiên cứu công nghệ, áp dụng kỹ thuật mới nên đã thành công và có những bước phát triển vượt bậc trong phát triển kinh tế. Chính vì vậy, để phát triển mạnh mẽ cần quan tâm phát triển giáo dục- đào tạo, khoa

học-công nghệ và đổi mới sáng tạo để có thể có được người lao động có kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc tốt đủ năng lực ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, cống hiến nhiều cho đất nước thông qua việc làm giàu cho bản thân, cộng đồng và xã hội.

Trong bối cảnh phát triển mới của thời đại hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức nhưng cũng có rất nhiều cơ hội phát triển do biến động khó lường của khí hậu và sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0, xã hội số, xu hướng hội nhập và cạnh tranh quốc tế ở mức độ cao. Diễn đàn kinh tế thế giới đã đánh giá và xếp hạng các nước trong báo cáo “Sẵn sàng cho tương lai” năm 2018 theo cơ cấu sản xuất và năng lực chủ động trong sản xuất cho thấy Việt Nam được xếp vào nhóm non trẻ, có nền tảng sản xuất hạn chế và dễ bị rủi ro cùng với 58 quốc gia khác. Trong đó, các chỉ tiêu cho sự sẵn sàng với cách mạng công nghiệp 4.0 như đổi mới công nghệ, nguồn nhân lực và tài nguyên bền vững là các yếu tố yếu nhất (PGS. Bùi Tất Thắng - 2018). Bên cạnh đó, các yếu tố thể chế của Việt Nam còn

hiều rào cản nếu không được tháo gỡ cũng không thể tạo ra động lực cho sự phát triển (GS Lê Du Phong - 2018). Tất cả những yếu tố này đòi hỏi Việt Nam cần có tư duy mở những giải pháp quyết liệt, và quyết tâm thì mới có thể đạt được mục tiêu phát triển đất nước ngày càng thịnh vượng như khát vọng của mình với tốc độ tăng trưởng trung bình 6-7%/năm.

Để sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nhóm nghiên cứu đề xuất hệ thống các nhóm giải pháp sau:

(1) **Nhóm giải pháp đột phá đổi mới tư duy về kinh tế thị trường, nâng cao năng lực hiệu quả của hệ thống thể chế chính trị** theo hướng coi trọng phát triển, tránh tụt hậu. Đây là nhóm giải pháp quan trọng, trong đó phải kể đến là tư duy trong lựa chọn mục tiêu và cách thức đạt mục tiêu, tư duy về xây dựng thể chế. Trong bối cảnh hiện nay, quan niệm về công nghiệp hóa cũng cần thay đổi, không đồng nhất công nghiệp hóa với sự phát triển của các ngành công nghiệp chế tạo truyền thống hay công nghiệp hỗ trợ mà phải là công nghiệp thông minh, sáng tạo và

dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ công nghiệp; Thực hiện cải cách và xây dựng nền hành chính công minh bạch, trách nhiệm giải trình cao, tuyển chọn được các lãnh đạo liêm chính, chống tham nhũng....

(2) **Nhóm giải pháp xây dựng nhà nước kiến tạo, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo**, năng lực cạnh tranh của toàn nền kinh tế thông qua xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, huy động đầu tư gắn với đổi mới sáng tạo nhằm tiếp cận tốt nhất những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo và tạo dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn nền kinh tế; đẩy mạnh nghiên cứu triển khai và áp dụng công nghệ mới trong sản xuất, tiêu dùng; đầu tư thỏa đáng vào các ngành mũi nhọn trọng điểm quốc gia như công nghệ thông tin, số hóa, năng lượng mới, vật liệu nano, công nghệ sinh học và tích hợp các ngành này; xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng nhu cầu của phát triển...

(3) **Nhóm giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng, cấu trúc lại các**

ngành kinh tế nói chung và nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh; nhận diện và khai thác lợi thế cạnh tranh của Việt Nam để đầu tư và tạo động lực cho tăng trưởng; đào tạo nghề phi nông nghiệp cho người dân; đầu tư khoa học - công nghệ cho công nghiệp để nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp; phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao theo hướng chuyển dịch vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu....

(4) **Nhóm giải pháp xác định đúng vai trò của kinh tế tư nhân (động lực thúc đẩy), FDI và kinh tế nhà nước - tạo động lực cho kinh tế tư nhân phát triển, nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân** nhằm tạo động lực phát triển cho nền kinh tế thông qua cải thiện môi trường đầu tư nhằm tạo sân chơi bình đẳng cho các khu vực kinh tế; thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp, thu hút và kết nối các nhà đầu tư Việt Nam ở nước ngoài đầu tư về phát triển kinh tế trong nước; hoàn thiện luật khuyến khích đầu tư, luật doanh nghiệp; xây dựng nền hành

chính công lấy phục vụ doanh nghiệp, phục vụ nhân dân làm trung tâm để thúc đẩy doanh nghiệp phát triển...

(5) **Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**, cải tiến chính sách thu hút, giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao. Cần xác định rõ nguồn lực quan trọng trong phát triển đất nước là nguồn nhân lực chất lượng cao. Có hai cách thức để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao: tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao bằng hệ thống giáo dục đào tạo chuẩn, đặc biệt là khi quốc gia ra khỏi thời kỳ dân số vàng, muốn vậy phải **đổi mới hệ thống giáo dục, đào tạo** đạt chuẩn khu vực và quốc tế; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ nơi khác đến. Vì thế, cần xác định rõ mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời gian tới sao cho đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển đất nước; đổi mới hệ thống giáo dục đào tạo phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới, phát triển các chương trình đào tạo có chất lượng chuẩn quốc tế ở mọi cấp học, bậc học; tăng cường kiểm định chất lượng theo hướng chuẩn quốc tế...

(6) **Khai thác, tận dụng phát huy lợi thế của cách mạng công nghiệp 4.0 và cải thiện chỉ số EPI**, thu hút FDI sạch và chuyển dịch vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị theo hướng bảo vệ môi trường; tận dụng quá trình hội nhập thương mại quốc tế để bảo vệ môi trường; tăng cường các khía cạnh cạnh kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường; huy động các nguồn lực xã hội cho bảo vệ môi trường; xây dựng cơ chế khuyến khích sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội vào bảo vệ môi trường.

Tóm lại, hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại tiếp cận theo mục tiêu phát triển đất nước phải phản ánh được thành quả, hình ảnh phát triển đất nước trong sự so sánh với các nước trên thế giới qua đó làm rõ vị thế của nước ta trong nền kinh tế toàn cầu, chọn ngưỡng của các nước công nghiệp mới NICs để tham chiếu và khẳng định tính thời đại trong bản thân tiêu chí để đảm bảo tính “theo hướng hiện đại”. Các giải pháp trên đây bước đầu thể hiện những định hướng cơ bản và sẽ được làm rõ trong thời gian tới phù hợp với từng giai đoạn phát triển đất nước và bối cảnh phát triển của thời đại □



PHÁT HUY NGUỒN LỰC TÔN GIÁO TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: TIẾP CẬN TỪ QUAN ĐIỂM THỂ TỤC VÀ XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

● GS, TS VÕ VĂN SEN

*Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia,
Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM*

● VÕ PHÚC TOÀN

*Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Quốc gia,
Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM.*

1. Tôn giáo và tính thể tục trong xã hội hiện đại

Trong chiều dài lịch sử loài người, tôn giáo, tín ngưỡng đã gắn bó lâu đời với các định chế trong xã hội. Cứu cánh của tôn giáo từ khởi thủy nhằm hướng con người đến với các giá trị của chân, thiện, mỹ. Nhưng trong quá trình phát triển của đời sống xã hội, các nhà chính trị đã tìm thấy ở tôn giáo phương tiện để có thể quản lý đời sống tinh thần của người dân. Do đó,

một kỷ nguyên dài trong lịch sử loài người, nhà nước và tôn giáo đã gắn bó chặt chẽ với nhau. Thần quyền và thế quyền đã cộng sinh một cách mật thiết và lâu dài. Tuy nhiên, dưới sự phát triển của các nguyên tắc nhân quyền và dân quyền trong thời kì Khai minh ở châu Âu thế kỷ XVII - XVIII, các trào lưu vận động tự do tôn giáo, xóa bỏ mối liên hệ giữa nhà nước và tôn giáo đã ra đời. Các nhà triết học của kỷ nguyên này đã vận động xã hội

thoát khỏi sự ràng buộc của Giáo hội, ủng hộ khoan dung tôn giáo như John Locke (*A Letter Concerning Toleration* - 1689), John Stuart Mill (*On Liberty* - 1859). Hai cuộc cách mạng của Mỹ và Pháp trong thế kỷ XVIII với hai bản tuyên ngôn nổi tiếng về quyền con người, quyền công dân được xem là những cột mốc quan trọng cho sự ra đời của chủ nghĩa thế tục¹. Người đầu tiên đưa ra khái niệm chủ nghĩa thế tục (secularism) là nhà văn người Anh George Jacob Holyoake (1846): chủ nghĩa thế tục tuyên bố

rằng tôn giáo chỉ thuần túy là việc riêng tư, phủ nhận quyền của bất kỳ loại nhà thờ nào liên quan đến đời sống công cộng của một quốc gia và đề xuất thay thế ảnh hưởng chính thức mà các thể chế tôn giáo được thực hiện². Nguyên lý của chủ nghĩa thế tục gồm 2 nguyên tắc cơ bản là quyền tự do tôn giáo được thể chế hóa và đảm bảo sự tự do về tư tưởng, ý thức và lương tâm³. Cùng với việc xóa

bỏ sự cản trở của chế độ phong kiến, các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây đã mong muốn phá vỡ mô hình tôn giáo đứng trên nhà nước. Sự vận động này đã đưa đến việc ra đời của *mô hình nhà nước thế tục*. Mô hình

Cùng với việc xóa bỏ sự cản trở của chế độ phong kiến, các cuộc cách mạng tư sản ở phương Tây đã mong muốn phá vỡ mô hình tôn giáo đứng trên nhà nước. Sự vận động này đã đưa đến việc ra đời của mô hình nhà nước thế tục.

nhà nước thế tục là sự biểu hiện của tiến trình dân chủ hóa, hiện đại hóa nền chính trị, xóa bỏ những sự ràng buộc với tôn giáo. Một điển hình trong việc xây dựng nhà nước thế tục chính là nước Pháp. Những nguyên tắc thế tục của nước Pháp đã được đặt ra từ cuộc cách mạng năm 1789 với bản Tuyên

ngôn về Nhân quyền và Dân quyền và các sắc lệnh được ban hành trong những năm 1789-1791. Cuộc cách mạng Pháp đã xác định các quyền dân sự cho sự bình đẳng về tôn giáo, đặc biệt là đối với người theo Tin Lành, Do Thái và những người không theo Công giáo. Bản Hiến pháp dân sự đầu tiên sau cách mạng Pháp năm 1790 đã đặt giới tăng lữ dưới sự giám sát của luật pháp. Các giáo phận được chia lại

theo phạm vi hành chính địa phương và nhà nước sẽ trả lương cho các giáo sĩ. Năm 1791, các tín đồ Do Thái được chấp nhận tư cách công dân. Các đạo luật năm 1792 đã chính thức đòi quyền quản lý nhà nước dân sự từ Giáo hội⁴. Quá trình “thế tục hóa” của nước Pháp tiếp tục diễn ra trong suốt thời gian dài tiếp theo để dẫn đạt đến nền Cộng hòa thế tục. Năm 1801, Napoleon ký kết với Giáo hội La Mã hiệp ước Concordat công nhận Cơ đốc giáo là một “tôn giáo của đa số dân Pháp”⁵. Và nhà nước của Napoleon sẽ bổ nhiệm giám mục, trả lương cho giáo sĩ, hỗ trợ cơ sở vật chất của nhà thờ. Hy vọng trở lại vị thế trước cách mạng 1789 của Giáo hội Pháp bị sụp đổ cùng với đế chế của Napoleon đệ III (1871). Năm 1879, phe cấp tiến lên cầm quyền đẩy mạnh tiến trình thế tục hóa, đoạn tuyệt về ý thức hệ đối với Nhà thờ. Jules Ferry, chính khách nổi tiếng của Đệ Tam Cộng hòa Pháp đã thúc đẩy nền giáo dục miễn phí, bắt buộc và vô tư đối với mọi tôn giáo. Đặc biệt là việc ban hành đạo Luật Phân ly vào năm 1905, tôn giáo được tách ra khỏi nhà nước và được xem là một lĩnh vực tư. Đạo

luật đã đưa ra các nguyên tắc cơ bản về việc phân ly tôn giáo của nhà nước cộng hòa thế tục: Tách tôn giáo ra khỏi các thiết chế cấu trúc nên xã hội; Tôn giáo chỉ còn mang tính cá nhân của mỗi người; Quyền tự do tư tưởng và tự do tín ngưỡng là quyền lợi tự do cơ bản của mỗi công dân⁶.

Tính thế tục của nước Pháp càng được củng cố qua các bản Hiến pháp năm 1946 và 1958. Điều đầu tiên của bản Hiến pháp 1958 đã khẳng định: “Nước Pháp là một chính thể Cộng hòa không thể phân chia, có tính thế tục, dân chủ và xã hội. Nó đảm bảo tính bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân, không phân biệt nguồn gốc, chủng tộc và tôn giáo. Nó tôn trọng tất cả các tôn giáo, tín ngưỡng”⁷. Do những vấn đề mang tính lịch sử, nước Pháp là một trong những quốc gia đoạn tuyệt mạnh mẽ nhất với tôn giáo để xây dựng một nhà nước thế tục. Đối với Pháp, nhà trường là nơi không có thể có những mối liên quan nào đối với tôn giáo từ việc thực hành tín ngưỡng đến các biểu tượng của tôn giáo. Sự cứng rắn này của tinh thần thế tục Pháp đã vấp phải sự cố “chiếc khăn choàng” của Islam. Chủ

nghĩa thế tục Pháp giờ đây không chỉ đối diện với di sản của một thời kì lịch sử Giáo hội tham gia vào điều hành nhà nước mà còn đối diện với sự tự do tôn giáo của các cộng đồng tôn giáo khác nhau trong lòng xã hội Pháp. Tính thế tục cố hữu của Pháp đã va phải quyền tự do tôn giáo, thực hành tín ngưỡng của mỗi công dân trong xã hội Pháp hiện đại: đa dân tộc, đa tôn giáo. Chiếc khăn choàng của phụ nữ Islam đã trở thành sự thử thách của chủ nghĩa thế tục Pháp trong xã hội hiện đại. Năm 1989, vụ khăn trùm đầu tiên xảy ra ở Creil và kéo dài gần một thập niên. Cuộc tranh luận tạm thời khép lại khi đạo luật ngày 15/03/2004 về việc áp dụng nguyên tắc tính thế tục đối với cách đeo các dấu hiệu hoặc cách ăn mặc bộc lộ rõ sự theo tôn giáo trong các trường tiểu học và trung học công lập. Dù hết sức nghiêm ngặt trong việc đảm bảo nguyên tắc thế tục nhưng hệ thống giáo dục của các trường tư thục Công giáo ở Pháp vẫn được phép tồn tại với chương trình giáo dục tuân theo những quy định của nhà nước⁸.

Hiện nay, mô hình chủ nghĩa thế tục trên thế giới có thể chia thành 4 loại:

- Mô hình tôn giáo dân tộc (ethno-religion). Mô hình này được đặc trưng bởi một nhà nước thế tục nhưng vẫn dựa vào một tôn giáo đóng vai trò chủ lưu, làm nền tảng tinh thần cho dân tộc, được viện dẫn như bản sắc dân tộc. Điển hình như các nước ở Bắc Âu (Tin Lành), Tây Âu (Cơ Đốc giáo), Nga (Chính thống giáo), Thái Lan (Phật giáo)...⁹

- Mô hình tôn giáo dân sự (religion civile). Lý thuyết của mô hình này xuất phát từ quan điểm khế ước xã hội của Rousseau. Quan điểm này bùng nổ ở nước Pháp nhưng lại trở thành nền tảng tinh thần của nước Mỹ bên kia Đại Tây Dương. Tôn giáo dân sự là “toàn bộ các tôn giáo tính ngưỡng, nghi lễ thờ cúng và biểu tượng liên kết vai trò của con người với tư cách là công dân và địa lý của người đó trong xã hội, trong thời gian và lịch sử, với ý nghĩa tột cùng của sinh tồn”¹⁰. Mô hình tôn giáo dân sự của Mỹ được xây dựng dựa trên việc tôn xưng một hình tượng Thượng đế chung cho mọi công dân Mỹ. Khẩu hiệu tinh thần của nước Mỹ được thay đổi từ “E pluribus Unum” (Nhiều người trở thành một) thành “In God, we trust” (Chúng ta

tin ở Thượng đế). Hình tượng các đời tổng thống Mỹ đặt tay tuyên thệ lên Kinh thánh gấp lại chính là tuyên thệ với sự trường tồn của nước Mỹ dưới sự trị vì của Thượng đế. Dù công dân của Mỹ có là Tin Lành, Cơ Đốc hay Islam đều cùng chung một Thượng đế¹¹. Nước Mỹ đã kết hợp một cách tài tình giữa tôn giáo và chính trị để hình thành nên một dân tộc Mỹ, dấu đức tin có khác nhau nhưng cùng chung một Thượng đế. Về cơ bản, tính thế tục chỉ có thể chia tách tôn giáo và Hiến pháp Mỹ nhưng không tách rời tôn giáo và đời sống chính trị Mỹ.

- Mô hình ưu tiên cho sự đa dạng (pluralism religieux) dành cho những thể chế đi liền với việc xác định các tôn giáo được thừa nhận¹².

- Mô hình nhà nước thế tục triệt để (L'Etat Laique) là những nước thực hiện nguyên tắc thế tục một cách tuyệt đối. Pháp là một trong những quốc gia điển hình cho mô hình này.

Từ những mô hình nhà nước thế tục trên thế giới, chúng ta có thể thấy xu thế thế tục hóa, tách tôn giáo khỏi các thiết chế chính trị công cộng là một khuynh hướng tất yếu. Tôn giáo, tín ngưỡng được đẩy lùi về các sinh hoạt mang tính

riêng tư của cá nhân hoặc cộng đồng. Trong đó, vấn đề về một nền giáo dục thế tục là một trong những nguyên tắc hết sức cơ bản của nhà nước thế tục để đảm bảo sự công bằng và tự do tôn giáo giữa các công dân.

2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và tôn giáo tham gia các hoạt động giáo dục

Một điều không thể phủ nhận là trong xã hội hiện đại, tôn giáo vẫn còn giữ một vai trò nhất định, không thể xóa bỏ. Do đó, tùy vào từng điều kiện cụ thể của các quốc gia, mỗi nước lại sẽ đối diện với các vấn đề về tôn giáo, tín ngưỡng theo một cách riêng. Từ năm 1945 đến nay, nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước đã xác định rất rõ vai trò của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội Việt Nam.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo đã được thể hiện rất rõ trong việc kêu gọi đoàn kết lương giáo cùng giải phóng dân tộc. Trong *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định lực lượng của Mặt trận Việt Minh là sự tập hợp của khối đoàn kết toàn dân: “Trong Việt Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già,

trẻ, lương, giáo, giàu nghèo”¹³. Kế thừa quan điểm này trong quá trình xây dựng nền tảng của một nhà nước pháp quyền, các bản Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều xác định rất rõ các vấn đề về tự do tôn giáo và tính thế tục của Nhà nước. Hiến pháp năm 1946 đã xác định “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”¹⁴. (Điều 1) và “Công dân Việt Nam có quyền:... tự do tín ngưỡng”¹⁵.

Về vấn đề tham gia công tác giáo dục của tổ chức tôn giáo, sắc lệnh số 223-SL ngày 14/6/1955 của Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thể hiện quan điểm của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở điều 9 như sau: “Các tôn giáo được phép tổ chức mở trường tư thục. Các trường tư thục đó phải dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ. Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ, có thể dạy thêm giáo lý cho những học sinh nào muốn học”¹⁶. Thông tư số 593/TTG ngày 10/12/1957 của Thủ tướng Chính phủ

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quy định chặt chẽ thêm việc quản lý các hoạt động trường lớp của tổ chức tôn giáo. Thông tư không chỉ tiếp tục thể hiện rõ sự ủng hộ của Nhà nước đối với việc tham gia của tổ chức tôn giáo vào hệ thống giáo dục quốc dân còn có độ “mở” với việc giáo dục chuyên môn của các tôn giáo: “đối với các hình thức trường học của Phật giáo, cấm phòng linh mục, tu sĩ của Thiên chúa giáo, Đại hội đồng của Tin Lành giáo, v.v... thì không phải xin phép trước, nhưng phải báo trước”¹⁷.

Sau thời kỳ đổi mới, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới. Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 đã khẳng định vai trò của tôn giáo trong thời kì mới: “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”¹⁸. Nghị quyết này đã được cụ thể hóa trong Nghị định số 59-HĐBT ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về các hoạt động tôn giáo.

Đến năm 2003, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định quan điểm cơ bản về vấn đề các tổ chức tôn giáo tham gia vào hoạt động giáo dục như sau: “Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... của Nhà nước, theo nguyên tắc:

- Khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật.

- Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật¹⁹.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 là cơ sở để Quốc hội ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo số 21/2004/PL-UBTVQH11 ngày 18/6/2004, pháp lệnh đầu tiên về tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành. Pháp lệnh cũng “khuyến khích tổ chức hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật”²⁰.

Song song với chủ trương về việc khuyến khích các tổ chức tôn giáo, tín

ngưỡng tham gia hoạt động giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa giáo dục. Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã chủ trương đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa trong đó có lĩnh vực giáo dục: “Cụ thể hóa và thể chế hóa chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa sự nghiệp giáo dục đào tạo, trước hết là về đầu tư phát triển và bảo đảm kinh phí hoạt động. Ngoài việc ngân sách dành một tỉ lệ thích đáng cho sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo, cần thu hút thêm các nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các thành phần kinh tế, các giới kinh doanh trong và ngoài nước đi đôi với việc sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư cho giáo dục đào tạo”²¹. Cụ thể tinh thần của Nghị quyết Đại hội VIII, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/CP ngày 21 tháng 8 năm 1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao. Tại phiên họp thường kỳ tháng 9/2004, Chính phủ đã đánh giá

tình hình thực hiện Nghị quyết 90 và Nghị định 73 và quyết định ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh và nâng cao chất lượng xã hội hoá trong các lĩnh vực nói trên để thống nhất hơn nữa về nhận thức và chủ trương, có cơ chế, chính sách cụ thể, có giải pháp và bước đi thích hợp đến năm 2010. Nghị quyết nêu rõ “huy động nguồn lực của các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế - xã hội và cá nhân để phát triển giáo dục - đào tạo. Tăng cường quan hệ của nhà trường với gia đình và xã hội; huy động trí tuệ, nguồn lực của toàn ngành, toàn xã hội vào việc đổi mới nội dung, chương trình, thực hiện giáo dục toàn diện”²².

Như vậy chúng ta có thể thấy, kể từ khi giành lại độc lập đến nay, quan điểm nhất quán và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân trong mô hình nhà nước thế tục. Các tôn giáo đều có quyền bình đẳng trước pháp luật, được quyền hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Trong đó vấn đề tôn giáo tham gia hoạt động giáo dục, có những thời điểm chúng ta tiếp tục duy trì các cơ sở giáo dục của tôn giáo trong hệ

thống giáo dục quốc dân nhưng cũng có thời kì hệ thống giáo dục quốc dân chủ yếu do Nhà nước đảm nhiệm. Từ khi tiến hành đổi mới đến nay, cùng với việc xác lập giáo dục đóng vai trò là quốc sách hàng đầu, Đảng và Nhà nước đã chủ trương thực hiện xã hội hóa trong hoạt động giáo dục và đào tạo, phát huy mọi nguồn lực trong xã hội để đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Trước những chủ trương của Đảng và Nhà nước về tôn giáo và xã hội hóa giáo dục, các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng đã ngày càng tham gia mạnh mẽ vào quá trình xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

3. Nguồn lực tôn giáo tham gia xã hội hóa giáo dục: thực tiễn và kiến nghị

Pháp lệnh Tôn giáo ra đời năm 2004 đã cho phép các cơ sở tôn giáo “tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khoẻ người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS, bệnh nhân phong, tâm thần; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo

và quy định của pháp luật”²³. Pháp lệnh đầu tiên về tín ngưỡng, tôn giáo đã cho phép các cơ sở tôn giáo tham gia vào hoạt động giáo dục mầm non và các hoạt động nuôi dưỡng trẻ khuyết tật và mồ côi. Cùng với đó, năm 2005, Nghị quyết 05/2005/NQ-CP xã hội hóa giáo dục của Chính phủ là một bước biến chuyển hết sức quan trọng trong việc phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sau hơn 10 năm thực hiện Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị quyết 05/2005/NQ-CP, báo cáo của Ban Tôn giáo Chính phủ (2015) đã cho biết các cơ sở tôn giáo đã thành lập hơn 300 cơ sở giáo dục mẫu giáo với hơn 100 điểm trường²⁴.

Bên cạnh đó, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường đã tạo điều kiện cho các trường đào tạo nghề của các tổ chức tôn giáo ra đời. Ngày 09/6/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ký quyết định (1800/QĐ-UBND) thành lập trường trung cấp nghề Hòa Bình

thuộc Tòa Giám Mục Xuân Lộc do Ban Bác Ái Xã Hội - Caritas giáo phận điều hành và quản lý. Đây là cơ sở nghề đầu tiên của tổ chức tôn giáo được cấp phép đào tạo. Sau một thời gian xây dựng, đến năm 2012, Trường chính thức đi vào hoạt động với 5 ngành nghề mộc, may công nghiệp, du lịch, công nghệ thông tin, kế toán doanh nghiệp. Từ trường nghề đầu tiên ở Xuân Lộc, tại Hội nghị toàn quốc biểu dương, phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia hoạt động bảo trợ xã hội và dạy nghề, Bộ Lao động Thương binh và xã hội đã cho biết tính đến năm 2017, cả nước có 12 cơ sở dạy nghề thuộc các tổ chức tôn giáo (0,6% cả nước), bao gồm: 2 trung cấp nghề và 10 trung tâm dạy nghề, tuyển sinh, đào tạo hệ trung cấp và dạy nghề ngắn hạn²⁵.

Với những kết quả như trên, các cơ sở tôn giáo thể hiện rõ vai trò của mình khi được phép tham gia vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Từ thực tế đó, việc mở rộng chủ trương để các tổ chức tôn giáo tham gia vào hoạt động giáo dục là hết sức cần thiết. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện rất rõ sự đổi mới về tư duy và kỹ thuật lập

pháp, từ chỗ công dân làm theo những gì luật định sang trạng thái công dân được phép làm những gì luật không cấm. Hiến pháp đã dành hẳn Chương II để nói về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Điều 24 của Hiến pháp đề cập đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân và điều 33 quy định công dân có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm là những nền tảng pháp lý cơ bản cho việc phát huy vai trò của tôn giáo trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề²⁶. Do đó, Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 đã chính thức quy định các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng “được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan” (Điều 55)²⁷. Có thể nói, đến bộ luật này, việc tham gia của các tổ chức tôn giáo vào hệ thống giáo dục đã được khẳng định mạnh mẽ không còn dừng lại ở mức độ “khuyến khích” như các văn bản về tín ngưỡng tôn giáo trước đó được ban hành. Với tinh thần đó, ngày 19/7/2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký

quyết định nâng cấp Trường Cao Đẳng Hòa Bình Xuân Lộc trên cơ sở Trường Trung cấp nghề Hòa Bình thuộc Ban Bác ái Xã hội - Caritas của Giáo phận Xuân Lộc điều hành²⁸.

Từ thực tiễn thực hiện các nghị quyết xã hội hóa giáo dục của Chính phủ và Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và nay là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, chúng ta đã thấy được tiềm năng hết sức to lớn của các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trong việc tham gia quá trình xã hội hóa giáo dục. Để tiếp tục có thể phát huy nguồn lực của tôn giáo trong quá trình xã hội hóa giáo dục, cần tiếp tục đổi mới về những vấn đề trong chính sách quản lý các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng tham gia lĩnh vực này, cụ thể:

Một là, cần hoàn thiện hệ thống pháp lý đảm bảo sự tham gia của các tổ chức tôn giáo vào hoạt động giáo dục một cách công khai và bình đẳng như các tổ chức, cá nhân khác trong xã hội. Dù Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã thể hiện chủ trương cho phép các tổ chức tôn giáo tham gia vào hoạt động giáo dục như các tổ chức, cá nhân khác trong xã hội nhưng Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tín

ngưỡng, tôn giáo vẫn chưa cụ thể hóa điều này. Đây sẽ là một bất cập trong quá trình hướng dẫn và cấp phép cho các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề của các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng.

Hai là, cần thực hiện nhất quán, xuyên suốt và triệt để nguyên tắc thể tục trong quá trình hoạt động giáo dục, đào tạo và dạy nghề của các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng khi tham gia vào hệ thống giáo dục quốc dân. Một vấn đề cần xác định rõ chủ trương xã hội hóa giáo dục chỉ nhằm mục đích phát huy nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong xã hội để đầu tư cho hệ thống giáo dục. Các cơ sở giáo dục cần thực hiện chương trình giảng dạy, đào tạo theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đồng thời, các cơ sở này cần đảm bảo tính thể tục của một cơ sở giáo dục trong suốt quá trình hoạt động. Các văn bản quy định về trường lớp của các tổ chức tôn giáo như Sắc lệnh số 234/SL (14/6/1955) và Thông tư 593/TTG (10/12/1957) của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là các văn bản thể hiện rất rõ quan điểm tính thể tục của các cơ sở giáo dục tôn giáo trong hệ

thống giáo dục quốc dân cần được nghiên cứu để tạo hành lang pháp lý chặt chẽ trong vấn đề này.

Ba là, các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề của tôn giáo cần đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của người học và người dạy. Các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề có thể do những người đại diện các tổ chức tôn giáo đứng ra điều hành, quản lý nhưng phải đảm bảo sự tự do tín ngưỡng, tôn giáo của những người tham gia vào hội đồng sư phạm và của người học như các cơ sở giáo dục công lập, tư thục khác. Các biểu tượng và các hoạt động thực hành tín ngưỡng, tôn giáo chỉ có thể xuất hiện với tư cách cá nhân, không mang tính công cộng.

Theo báo cáo của Chính phủ, 95% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo trong đó có khoảng 24,3 triệu tín đồ, gần 83.000 chức sắc tôn giáo. Tính đến năm 2017, cả nước có 41 tổ chức thuộc 15 tôn giáo đã được Nhà nước công nhận và cấp phép hoạt động với 27.900 cơ sở thờ tự²⁹. Bức tranh tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam là vô cùng phong phú và đa dạng. Và đây cũng là một nguồn lực vô cùng to lớn cần được phát huy trong quá trình xây

dựng và phát triển đất nước hiện nay. Cùng với tính chất thế tục và sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được xác định ngay từ những ngày đầu tiên hình thành nền tảng lập pháp của Nhà nước, việc tạo điều kiện cho các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo tham gia vào hệ thống giáo dục quốc dân là một việc làm cần thiết trong quá trình thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo hiện nay. Với tinh thần “đạo đời hợp nhất”, tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, các tổ chức

tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm của mình với quá trình phát triển của dân tộc, của đất nước. Việc khơi thông dòng chảy của nguồn lực tôn giáo vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề hiện nay không chỉ là việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục mà còn thể hiện tinh thần đại đoàn kết, truyền thống yêu nước, đồng hành cùng dân tộc của các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay □

¹ Barry A.Kosmin “Contemporary Secularity and Secularism”, *Secularism & Secularity: Contemporary International Perspectives*, Published by Institute for the Study of Secularism in society and Culture, 2007, p.2.

² George Jacob Holyoake: *English Secularism A Confession Of Belief*, 2013, <http://www.gutenberg.org>

³ Đỗ Quang Hưng: “Nhà nước pháp quyền và tôn giáo”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 3 (76) - 2014, tr.54.

^{4, 6, 7, 10} Olivier Bobineau - Sébastien Tank-Storpier (2012): *Xã hội học tôn giáo*, Nxb Thế giới, tr.55, 57, 58, 65.

^{5, 11} Cao Huy Thuần: *Tôn giáo và xã hội hiện đại: Biến chuyển của lòng tin ở phương Tây*, Nxb Hồng Đức, 2017, tr.33, 41.

⁸ Nguyễn Xuân Nghĩa (2003): “Tôn giáo trong thời hiện đại: thế tục hóa hay phi thế tục hóa”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 2-2003, tr.28

^{9, 12} Đỗ Quang Hưng: “Xây dựng mô hình nhà nước thế tục trong môi trường đa dạng tôn giáo: cái bất biến và cái khả biến - trường hợp Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam*

học lần thứ III, tiểu ban Văn hóa Việt Nam, Nxb ĐHQG, Hà Nội, 2008, tr.134, 134.

¹³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.595.

^{14, 15} Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946): *Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, <http://vbpl.vn>.

¹⁶ Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1955): *Sắc lệnh số 223-SL ngày 14/6/1955 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, <http://vanban.chinhphu.vn>, tr.2.

¹⁷ Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *Thông tư của Thủ tướng Chính phủ số 593/TTG ngày 10/12/1957 về chủ trương đối với các trường lớp của tôn giáo*, <http://vanban.chinhphu.vn>, tr.1.

¹⁸ Nguyễn Hồng Dương (2012): *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.22.

¹⁹ BCH TW Đảng (2003): *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo*, tr.5-6.

²⁰ Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004): *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, số 21/2004/PL-UBTVQH11, ngày 18/6/2004, tr.9.

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: “Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000”, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.415.

²² Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao*, tr.4.

²³ Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *Pháp lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH11 về Tín ngưỡng, tôn giáo*, 2004, tr.9.

²⁴ Ban Tôn giáo Chính phủ: *Báo cáo Tổng kết 08 năm thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, 6/2015, tr.6.

²⁵ <http://laodongxahoi.net>

²⁶ Quốc hội: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, 2013, tr.6 và tr.8

²⁷ Quốc hội: *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, 2016, tr.27

²⁸ <https://cdhoabinhxuanloc.edu.vn>

²⁹ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: *Báo cáo thực hiện công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*, 6/2017, tr.44-45.

KỶ HỌP THỨ 8 HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Nguyễn Xuân Thắng. (Ảnh: Dương Giang/TTXVN)

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, ngày 10-11-2018, tại Thành phố Bắc Ninh, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021 đã tiến hành Kỳ họp thứ 8. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phát biểu khai mạc và kết luận.

Kỳ họp thứ 8 của Hội đồng tập trung thảo luận vào 03 nội dung: (1)

Về tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại; (2) Về tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Kết quả thực hiện công tác giữa hai kỳ họp và kế hoạch công tác từ nay đến hết năm 2018.

1. Về tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Đại hội XII của Đảng xác định mục tiêu “sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Trong những năm qua, đã có rất nhiều



Toàn cảnh kỳ họp thứ 8 Hội đồng Lý luận Trung ương _ Ảnh: TL

đề tài nghiên cứu về tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Các công trình nghiên cứu thời gian qua có những điểm giống nhau, nhưng cũng còn nhiều điểm khác nhau. Tại kỳ họp này, Hội đồng Lý luận Trung ương tập trung thảo luận về 03 vấn đề:

Một là, thống nhất hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại ở Việt Nam, xác định chỉ tiêu cơ bản của từng tiêu chí (Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 đề ra mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đề ra 15 tiêu chí về kinh tế, xã hội, môi trường).

Hai là, xác định mốc thời gian Việt Nam có thể trở thành nước công

ng nghiệp theo hướng hiện đại (Nghị quyết số 23 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định mục tiêu: đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại.

Ba là, đề xuất các giải pháp khả thi để đạt mục tiêu đề ra.

2. Về tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tại Đại hội IX của Đảng (năm 2001) lần đầu tiên Đảng ta xác định nền kinh tế mà nước ta xây dựng là nền kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa và xem đó là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đề ra nhiệm vụ “nghiên cứu tiến tới xây dựng hệ tiêu chí về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”.

Tháng 9 năm 2018, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tham gia cùng với Ban Kinh tế Trung ương, Tạp chí Cộng sản tổ chức Hội thảo khoa học về tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tại kỳ họp này, Hội đồng Lý luận Trung ương tập trung thảo luận về các vấn đề:

Một là, phương pháp tiếp cận xác định tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, cơ sở và các yêu cầu (nguyên tắc) xác định hệ tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, đề xuất các giải pháp khả thi để đạt mục tiêu đề ra.

3. Về kết quả thực hiện công tác giữa hai kỳ họp và kế hoạch công tác từ nay đến hết năm 2018

Với tinh thần nghiêm túc, khách quan, các thành viên Hội đồng đã

phản ánh, làm rõ những việc đã làm được, những việc chưa làm được, nguyên nhân và thống nhất những giải pháp để thực hiện có chất lượng và hiệu quả những công việc từ nay đến hết năm 2018, chuẩn bị bước vào năm 2019.

Sau một ngày làm việc nghiêm túc, với không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, Kỳ họp thứ 8 Hội đồng Lý luận Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra. Phát biểu kết luận kỳ họp, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh các ý kiến phát biểu tại kỳ họp rất phong phú và xác đáng. Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ tiếp thu nghiêm túc ý kiến của các đồng chí tham dự Kỳ họp, hoàn thiện Báo cáo tư vấn về tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Báo cáo kết quả nghiên cứu bước đầu về tiêu chí xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Báo cáo kết quả công tác giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác từ nay đến hết năm 2018.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cảm ơn sự phối hợp và giúp đỡ có hiệu quả của Thường trực Tỉnh ủy Bắc Ninh, các ban, sở, ngành của Bắc Ninh □

NGUYỄN TIẾN

KHẢO SÁT, TỌA ĐÀM KHOA HỌC VỀ THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG



Triển khai Kế hoạch tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, trong tháng 10 vừa qua, các Nhóm tổng kết đã tiến hành khảo sát, tọa đàm tại 6 tỉnh, thành phố.

Nhóm Chính trị và Xây dựng Đảng, do GS.TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo tổng kết làm Trưởng Đoàn, khảo sát tại tỉnh Thái Bình và thành phố Hà Nội; Nhóm Văn hóa-Xã hội-Con người, do GS.TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận

Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo Tổng kết làm Trưởng đoàn, khảo sát tại tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum; Nhóm Kinh tế do PGS.TS Nguyễn Văn Thọ, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo tổng kết làm Trưởng đoàn, khảo sát tại tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Tháp. Tại các địa phương đến khảo sát, Đoàn công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương đều nhận được sự phối hợp rất nhiệt tình, trách nhiệm, hiệu quả của các đồng chí Thường trực tỉnh ủy, thành ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh; Lãnh đạo các huyện, quận ủy, đảng ủy xã (phường, thị trấn).

Nội dung khảo sát, tọa đàm của các Nhóm bám sát vào 8 nhóm vấn đề (1) Về dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hành dân chủ ở địa phương; (2) Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; (3) Về hoạt động cầm quyền của Đảng ở địa phương; (4) Về đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; (5) Về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; (6) Về phát triển các lĩnh vực kinh tế của địa phương; (7) Về phát triển văn hóa - xã

hội, con người; (8) Về lĩnh vực quốc phòng - an ninh.

Khi thảo luận mỗi vấn đề, có 4 nội dung yêu cầu làm rõ, đó là: (1) Việc nhận thức và quán triệt các quan điểm của Đảng trong Cương lĩnh; (2) Kết quả thực hiện trên thực tế; (3) Những vấn đề nảy sinh, khó khăn, vướng mắc, những nhân tố mới trong nhận thức và trong thực hiện Cương lĩnh; (4) Những đề xuất, kiến nghị.

Thông qua khảo sát, tọa đàm tại các địa bàn khác nhau, Ban Chỉ đạo tổng kết Cương lĩnh đều đánh giá cao sự chuẩn bị của các địa phương trong việc tham gia tổng kết Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên địa bàn của mình. Chất lượng các báo cáo cũng như các ý kiến phát biểu trực tiếp tại tọa đàm, cùng với những thông tin hữu ích qua các buổi nghiên cứu, tọa đàm đã giúp Đoàn có thêm nhiều tư liệu thực tiễn quý giá để thực hiện tốt nhiệm vụ tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 do Trung ương giao □

TỌA ĐÀM

“PHÁT HUY NGUỒN LỰC TÔN GIÁO TRONG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY”

Thực hiện chương trình phối hợp công tác năm 2018 giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, ngày 02-11-2018, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức Tọa đàm khoa học “Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay”. Mục đích Tọa đàm nhằm trao đổi, làm rõ hơn các căn cứ lý luận, thực tiễn về nguồn lực tôn giáo; vai trò nguồn lực tôn giáo, cũng như việc nhận thức và phát huy đúng hướng nguồn lực này trong phát triển đất nước hiện nay, góp phần cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc bổ sung, hoàn thiện các chủ trương chính sách, Pháp luật của Đảng, Nhà nước về tôn giáo trong giai đoạn tới. Dự Tọa đàm có đông đảo các nhà khoa học, nhà quản lý có kinh nghiệm, uy tín về nghiên cứu, quản

lý hoạt động tôn giáo và đại diện chức sắc tôn giáo. GS.TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng Tiểu ban Văn hóa-Xã hội-Con người của Hội đồng và GS.TS Đặng Nguyên Anh, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, đồng chủ trì Tọa đàm.

Hơn 10 tham luận và ý kiến trao đổi tại Tọa đàm tập trung vào 4 nhóm nội dung: Những vấn đề lý luận chung, nhận thức chung về nguồn lực tôn giáo; nguồn lực của các tôn giáo cụ thể; nguồn lực tôn giáo trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; cơ chế, chính sách, pháp luật, điều kiện phát huy nguồn lực tôn giáo, phục vụ phát triển đất nước hiện nay.

Phát biểu kết luận Tọa đàm, GS.TS Tạ Ngọc Tấn nhấn mạnh, trong một khoảng thời gian chuẩn bị không dài, nhưng với gần 20 báo cáo khoa học gửi tới Ban tổ chức cùng những tham luận và ý kiến trao đổi tại hội

trường cho thấy, chủ đề của Toạ đàm đã đáp ứng trúng một đòi hỏi vừa mang tính lý luận, thực tiễn và rất thời sự trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay. Qua các báo cáo, trao đổi, thảo luận có thể nêu một số kết luận như sau:

1. Các báo cáo, các ý kiến trao đổi thảo luận đã góp phần làm rõ hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn đối với một số vấn đề lý luận chung về nguồn lực tôn giáo như khái niệm, nội hàm, các hình thức biểu hiện, các cách tiếp cận của nguồn lực tôn giáo.

Các báo cáo và các ý kiến thảo luận cũng đã làm rõ được nguồn lực tôn giáo của các tôn giáo cụ thể cũng như vai trò của nguồn lực tôn giáo trên một số phương diện của đời sống xã hội. Đồng thời, đã phân tích thực trạng chính sách, pháp luật về phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, đề xuất những định hướng, giải pháp, kiến nghị cụ thể để phát huy tốt hơn nữa nguồn lực tôn giáo.

2. Các nhà khoa học, quản lý và các ý kiến trao đổi đều đồng thuận về việc nhìn nhận nguồn lực tôn giáo, cho rằng phát huy nguồn lực tôn giáo là một chủ trương đúng đắn,

cần phải có những chính sách, pháp luật phù hợp, đồng thời mong muốn kiến nghị với Đảng, Nhà nước trong giai đoạn tới cần nhìn nhận tôn giáo là một nguồn lực xã hội đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

3. Phát huy nguồn lực tôn giáo là một chủ trương đúng đắn. Kết quả của Toạ đàm đã cung cấp cơ sở khoa học chắc chắn cho quan điểm này. Tuy nhiên, phát huy nguồn lực tôn giáo là một chủ trương quan trọng, cần có những định hướng, chính sách khoa học, phù hợp, công bằng; cần tiếp tục nghiên cứu, xem xét một cách cụ thể: phát huy như thế nào, phát huy trong lĩnh vực nào, v.v.. Đồng thời, cũng rất lưu ý việc sử dụng nguồn lực tôn giáo không nhằm mục đích xã hội tích cực.

Thông qua toạ đàm đã giúp các nhà nghiên cứu lý luận, các nhà quản lý, cũng như các chức sắc tôn giáo đạt được những nhận thức chung hết sức quan trọng về nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo. Đây là tiền đề quan trọng để chúng ta thực hiện tốt hơn nữa chính sách, pháp luật về tôn giáo hiện nay □

NGUYỄN TIẾN